

Số: /2026/VBHN-TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực hàng không, lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Thông tư số 24/2026/TT-BXD ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

3. Thông tư số 45/2026/TT-BXD ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy¹.

¹ Thông tư số 71/2025/TT-BXD có căn cứ ban hành như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

“Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;
 Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;
 Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;
 Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025;
 Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng; Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;
 Căn cứ Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay;
 Căn cứ Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;
 Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng
 Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;
 Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.”

Thông tư số 24/2026/TT-BXD có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
 Căn cứ Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng;
 Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;
 Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.”

Thông tư số 45/2026/TT-BXD có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;
 Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;
 Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 70/2025/QH15;
 Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;
 Căn cứ Nghị định số 89/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng xe cơ giới;
 Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
 Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;
 Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ.”

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm định xe cơ giới, hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm định xe cơ giới, hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP MỚI, CẤP LẠI, TẠM ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Điều 3. Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới gồm:

1. Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo bản thông tin về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới;

2. Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt bằng nhà xưởng có bố trí dây chuyền kiểm định thể hiện đầy đủ vị trí kiểm tra, thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ kiểm tra;

3. Kết quả đánh giá phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy QCVN 103:2024/BGTVT² của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp);

4. Danh sách trích ngang nhân lực theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

5. Danh sách thiết bị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Trình tự, thủ tục cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo quy

² Cụm từ “Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy” được thay thế bởi cụm từ “Kết quả đánh giá phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy QCVN 103:2024/BGTVT” theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

định tại Điều 3 Thông tư này bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tới Sở Giao thông vận tải địa phương.

2. Tiếp nhận hồ sơ

a) Trường hợp nộp trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát quá trình kiểm tra xác nhận³ theo mẫu quy định tại Phụ lục IV, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra xác nhận⁴ thực tế;

b) Trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, nếu chưa đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này cho tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát quá trình kiểm tra xác nhận⁵ theo mẫu quy định tại Phụ lục IV, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra xác nhận⁶ thực tế.

3⁷. Kiểm tra xác nhận⁸ thực tế

Việc kiểm tra xác nhận⁹ thực tế được thực hiện trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Sở Xây dựng kiểm tra xác nhận¹⁰ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới và lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

b)¹¹ Sở Xây dựng đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam tham gia kiểm tra xác

³ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁴ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁵ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁶ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bằng cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

⁸ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁹ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹⁰ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy QCVN 103:2024/BGTVT. Nội dung kiểm tra xác nhận được ghi nhận vào biên bản theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục VIII và các biên bản theo các mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này. Khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp, việc kiểm tra xác nhận tại điểm này được thay thế bằng kết quả đánh giá phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy QCVN 103:2024/BGTVT của tổ chức đánh giá sự phù hợp. Trường hợp có tổ chức đánh giá sự phù hợp nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đánh giá của cơ sở đăng kiểm thì Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam tham gia thực hiện kiểm tra xác nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo quy định tại điểm này;

c) Tổng hợp kết quả và ghi nhận các nội dung tương ứng vào mẫu số 01 quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Xử lý kết quả kiểm tra xác nhận¹² thực tế

a) Trường hợp kết quả kiểm tra xác nhận¹³ thực tế đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

b) Trường hợp kết quả kiểm tra xác nhận¹⁴ thực tế không đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải ghi rõ lý do vào biên bản theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này gửi tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới để khắc phục các nội dung không đạt yêu cầu.

5.¹⁵ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra xác nhận¹⁶ thực tế đạt yêu cầu, Sở Xây dựng cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục XI; mã số cơ sở đăng kiểm theo quy định của Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra xác nhận¹⁷ không đạt yêu cầu

a) Việc khắc phục các nội dung không đạt và việc kiểm tra xác nhận¹⁸ lại

¹¹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹² Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹³ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹⁴ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

¹⁶ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹⁷ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

được thực hiện trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu theo quy định tại Điều này;

b) Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới gửi văn bản đề nghị kiểm tra xác nhận¹⁹ lại theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đến Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này. Trường hợp kết quả kiểm tra xác nhận²⁰ lại không đạt yêu cầu, kết luận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới không đủ điều kiện hoạt động đồng thời dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo bản thông tin về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới;

b) Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt bằng nhà xưởng có bố trí dây chuyền kiểm định thể hiện đầy đủ vị trí kiểm tra, thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ kiểm tra;

c)²¹ Kết quả đánh giá phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy QCVN 103:2024/BGTVT của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp, trừ trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp chưa đáp ứng được nhu cầu đánh giá của cơ sở đăng kiểm);

d) Danh sách trích ngang nhân lực theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Danh sách thiết bị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi thông tin địa giới hành chính.

2. Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bằng hình thức trực tiếp hoặc

¹⁸ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹⁹ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

²⁰ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

²¹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 45/2026/TT-, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tới Sở Giao thông vận tải địa phương như sau:

a) Hồ sơ cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất hoặc cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyền kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyền kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động: tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Hồ sơ cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị hỏng: tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này kèm theo giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị hỏng;

c) Hồ sơ cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi thông tin địa giới hành chính ghi trên giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: các tài liệu quy định tại điểm a, điểm e khoản 1 Điều này;

d) Hồ sơ cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này.

3.²² Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này:

a)²³ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Xây dựng kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ, Sở Xây dựng thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này cho cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; nếu đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ, Sở Xây dựng thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

4. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc, nếu chưa đầy đủ theo quy định, hướng dẫn cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, thực

²² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 71/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

²³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026

hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 4 Thông tư này. Mã số cơ sở đăng kiểm ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện là mã số được cấp trước đây;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này cho cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; nếu đầy đủ theo quy định, thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 4 Thông tư này. Mã số cơ sở đăng kiểm ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện là mã số được cấp trước đây.

Điều 6. Trình tự, thủ tục tạm đình chỉ hoạt động cơ sở đăng kiểm xe cơ giới

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về cơ sở đăng kiểm thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ hoạt động, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định tạm đình chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phải ngừng hoạt động kiểm định xe cơ giới khi quyết định tạm đình chỉ hoạt động có hiệu lực; đồng thời thông báo công khai về việc tạm ngừng hoạt động kiểm định xe cơ giới tại cơ sở đăng kiểm xe cơ giới.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định tạm đình chỉ hoạt động có hiệu lực, cơ sở đăng kiểm xe cơ giới lập báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Giao thông vận tải.

Điều 7. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về cơ sở đăng kiểm thuộc trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định thu hồi theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời căn cứ vào hoạt động kiểm định của các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới trên địa bàn, lập thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này để chỉ định cơ sở đăng kiểm xe cơ giới tiếp nhận bàn giao hồ sơ và phôi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định chưa sử dụng từ cơ sở đăng kiểm xe cơ giới bị thu hồi giấy chứng nhận.

2. Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phải ngừng hoạt động kiểm định xe cơ giới khi quyết định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới có hiệu lực; đồng thời thông báo công khai về việc ngừng hoạt động kiểm định xe cơ giới tại cơ sở đăng kiểm xe cơ giới.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới có hiệu lực, cơ sở đăng

kiểm xe cơ giới phải nộp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới cho Sở Giao thông vận tải.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới có hiệu lực, cơ sở đăng kiểm xe cơ giới bị thu hồi giấy chứng nhận và cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được chỉ định tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc bàn giao, lập biên bản bàn giao theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này đồng thời gửi tới Sở Giao thông vận tải và Cục Đăng kiểm Việt Nam để báo cáo.

Điều 8. Lưu trữ hồ sơ

Hồ sơ (bản giấy và bản điện tử) cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới được lưu trữ vĩnh viễn tại Sở Giao thông vận tải và cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, việc lưu trữ đảm bảo an toàn, khoa học, dễ tìm kiếm.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP MỚI, CẤP LẠI, TẠM ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy gồm:

1. Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải;
2. Bản vẽ bố trí chung của cơ sở kiểm định khí thải thể hiện được vị trí kiểm tra;
3. Danh sách trích ngang nhân lực theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;
4. Danh sách thiết bị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

5²⁴. Kết quả đánh giá phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy QCVN 103:2024/BGTVT của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp, trừ trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp chưa đáp ứng được nhu cầu đánh giá của cơ sở đăng kiểm).

Điều 10. Trình tự, thủ tục cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

²⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

1. Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (sau đây gọi tắt là cơ sở kiểm định khí thải) nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định tại Điều 9 Thông tư này bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tới Sở Giao thông vận tải địa phương.

2. Tiếp nhận hồ sơ

a) Trường hợp nộp trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc; nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát theo quy định tại Phụ lục IV, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra xác nhận²⁵ thực tế;

b) Trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này cho tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát theo mẫu quy định tại Phụ lục IV, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra xác nhận²⁶ thực tế.

3²⁷. Kiểm tra xác nhận thực tế

Việc kiểm tra xác nhận thực tế được thực hiện trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Sở Xây dựng kiểm tra xác nhận điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định khí thải của cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới và lập biên bản theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra xác nhận cơ sở kiểm định khí thải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy QCVN 103:2024/BGTVT đề ghi nhận vào biên bản theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục

²⁵ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

²⁶ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

²⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp, việc kiểm tra xác nhận tại điểm này được thay thế bằng kết quả đánh giá phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy QCVN 103:2024/BGTVT. Trường hợp có tổ chức đánh giá sự phù hợp nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đánh giá của cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy thì Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc kiểm tra xác nhận cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định tại điểm này;

c) Tổng hợp kết quả và ghi nhận các nội dung tương ứng vào mẫu số 02 quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Xử lý kết quả kiểm tra xác nhận²⁸ thực tế

a) Trường hợp kết quả kiểm tra xác nhận²⁹ thực tế đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

b) Trường hợp kết quả kiểm tra xác nhận³⁰ thực tế không đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải ghi rõ lý do vào biên bản theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này và gửi cho tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải để khắc phục các nội dung không đạt yêu cầu.

5.³¹ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra xác nhận³² thực tế đạt yêu cầu, Sở Xây dựng cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục XI; mã số cơ sở kiểm định khí thải theo quy định của Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra xác nhận³³ không đạt yêu cầu

a) Việc khắc phục và kiểm tra xác nhận³⁴ lại được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, để tiếp tục, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải thực hiện trình tự,

²⁸ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

²⁹ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

³⁰ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

³¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

³² Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

³³ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

³⁴ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

thủ tục lại từ đầu theo quy định tại Điều này;

b) Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải gửi văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này tới Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải thực hiện các bước quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này. Trường hợp kết quả kiểm tra xác nhận³⁵ lại không đạt yêu cầu, nêu rõ lý do không đạt và kết luận cơ sở kiểm định khí thải không đủ điều kiện hoạt động, dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Điều 11. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải;

b) Bản vẽ bố trí chung của cơ sở kiểm định khí thải thể hiện được vị trí kiểm tra;

c) Danh sách trích ngang nhân lực theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Danh sách thiết bị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi thông tin địa giới hành chính.

e)³⁶ Kết quả đánh giá phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy QCVN 103:2024/BGTVT của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp, trừ trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp chưa đáp ứng được nhu cầu đánh giá của cơ sở đăng kiểm).

2. Cơ sở kiểm định khí thải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tới Sở Giao thông vận tải địa phương như sau:

a) Hồ sơ cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất: tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Hồ sơ cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị hỏng: tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này

³⁵ Cụm từ “kiểm tra, đánh giá” được thay thế bởi cụm từ “kiểm tra xác nhận” theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

³⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

kèm theo giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị hỏng;

c) Hồ sơ cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi thông tin địa giới hành chính ghi trên giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy: các tài liệu quy định tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều này;

d)³⁷ Hồ sơ cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy: các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 1 Điều này.

3.³⁸ Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Xây dựng kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc; nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cơ sở kiểm định khí thải hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ Sở Xây dựng thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, lập thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này cho cơ sở kiểm định khí thải; nếu đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ Sở Xây dựng thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

4. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động khí thải xe mô tô, xe gắn máy đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc; nếu chưa đầy đủ theo quy định, hướng dẫn cơ sở kiểm định khí thải hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 10 Thông tư này. Mã số cơ sở kiểm định khí thải ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện là mã số được cấp trước đây;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư

³⁷ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

³⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

này cho cơ sở kiểm định khí thải; nếu đầy đủ theo quy định, thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 10 Thông tư này. Mã số cơ sở kiểm định khí thải ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện là mã số được cấp trước đây.

Điều 12. Trình tự, thủ tục tạm đình chỉ hoạt động cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về cơ sở kiểm định khí thải thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ hoạt động, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định tạm đình chỉ hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ sở kiểm định khí thải phải ngừng hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy khi quyết định tạm đình chỉ hoạt động có hiệu lực; đồng thời thông báo công khai về việc tạm ngừng kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tại cơ sở kiểm định khí thải.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định tạm đình chỉ hoạt động có hiệu lực, cơ sở kiểm định khí thải, lập báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Giao thông vận tải.

Điều 13. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về cơ sở kiểm định khí thải thuộc trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định thu hồi theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ sở kiểm định khí thải phải ngừng hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy khi quyết định thu hồi có hiệu lực; đồng thời thông báo công khai về việc ngừng hoạt động tại cơ sở kiểm định khí thải.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực, cơ sở kiểm định khí thải phải nộp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy và chuyển dữ liệu hoạt động kiểm định khí thải cho Sở Giao thông vận tải.

Điều 14. Lưu trữ hồ sơ

Hồ sơ (bản giấy và bản điện tử) cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy được lưu trữ vĩnh viễn tại Sở Giao thông vận tải và cơ sở kiểm định khí thải, việc lưu trữ đảm bảo an toàn, khoa học, dễ tìm kiếm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Hướng dẫn triển khai thực hiện các quy định của Thông tư này.

2. Tổ chức kiểm tra việc cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của các Sở Giao thông vận tải.

3³⁹. Công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam danh sách các tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định thực hiện đánh giá đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4⁴⁰. Cấp quyền khai thác thử nghiệm các phần mềm do Cục Đăng kiểm Việt Nam quản lý để vận hành thử toàn bộ hệ thống kiểm định của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải khi có đề nghị của tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Thông tư này tại địa phương.

2. Cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tại địa phương theo quy định của Thông tư này.

3⁴¹. Công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng danh sách các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy được cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 16a⁴². Trách nhiệm của tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm

1. Trước khi đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp quyền khai thác thử nghiệm phần mềm quản lý kiểm định, phần mềm chứng nhận cải tạo, phần mềm thu phí sử dụng đường bộ và các tài khoản để tra cứu thông tin phương tiện vi phạm, thông tin phương tiện nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp trong nước phục vụ việc vận hành thử toàn bộ hệ thống kiểm định của cơ sở đăng kiểm.

2. Thông báo cho Sở Xây dựng địa phương, Cục Đăng kiểm Việt Nam về thời gian vận hành thử toàn bộ hệ thống kiểm định của cơ sở đăng kiểm.

³⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁴⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁴¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁴² Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 45/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm

Chấp hành quyết định tạm đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành⁴³

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.
2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 44/2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới và Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

BỘ XÂY DỰNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD_{QH}.

Lê Anh Tuấn

⁴³ Thông tư số 71/2025/TT-BXD có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 12 năm 2025; Thông tư số 24/2026/TT-BXD có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2026; Thông tư số 45/2026/TT-BXD có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Phụ lục I
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH
(Kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TÊN TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM ⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

☐ **Kiểm định xe cơ giới** ☐ **Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Căn cứ Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

Căn cứ Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ.

1. Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:Email:
4. Đề nghị:

☐ Cấp mới	☐ kiểm tra xác nhận lại		
☐ Cấp lại			
- Số giấy chứng nhận lần gần nhất:			
- Lý do cấp lại:	☐ Mất	☐ Hỏng	☐ Thay đổi nội dung giấy chứng nhận

5. Nội dung đã khắc phục (đối với trường hợp đề nghị kiểm tra xác nhận lại theo kết luận tại biên bản kiểm tra xác nhận điều kiện hoạt động số ngày/...../.....):.....

6. Danh mục hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo gồm (đánh dấu “x” vào ô tương ứng):

6.1. Đối với trường hợp cấp mới, kiểm tra xác nhận lại hoặc cấp lại do thay đổi vị

trí (địa điểm), tăng thêm số lượng dây chuyền/thiết bị kiểm tra, bị thu hồi Giấy chứng nhận:

☐ Bản vẽ bố trí chung.

☐ Báo cáo đánh giá và Giấy chứng nhận phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (*áp dụng đối với cơ sở đã thực hiện đánh giá sự phù hợp*).

☐ Danh sách trích ngang nhân lực.

☐ Danh sách thiết bị kiểm tra.

6.2. Đối với trường hợp cấp lại do hỏng hoặc thay đổi thông tin địa giới hành chính:

☐ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định bị hỏng (*đối với trường hợp bị hỏng*).

☐ Tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi thông tin địa giới hành chính.

6.3. Tài liệu khác (nếu có, ghi rõ tên tài liệu):
⁽¹⁾ cam kết các thông tin trên là chính xác.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

....., ngày tháng năm
**TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG
 KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM⁽¹⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp cấp mới hoặc tên cơ sở đăng kiểm trong trường hợp đề nghị cấp lại;

⁽²⁾ Cơ quan thực hiện cấp mới/cấp lại giấy chứng nhận.

Phụ lục II
MẪU DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số CCCD/ Số Căn cước/ Số hộ chiếu	Chức danh/ chức vụ	Số Chứng chỉ ĐKV	Kỷ luật (Có/Không) ⁽¹⁾	Kinh nghiệm thực hiện công tác kiểm định (tháng)	Ghi chú
I. Bộ phận lãnh đạo								
II. Bộ phận kiểm định								
III. Bộ phận văn phòng								

.....ngày.....tháng.....năm.....
TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Ghi rõ thời gian kỷ luật nếu có.

Phụ lục III
MẪU DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Kèm theo Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Số seri	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng ⁽¹⁾	Ghi chú
1							
...							
...							

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ - Chưa qua sử dụng/đã qua sử dụng.

Phụ lục IV
MẪU PHIẾU KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH

*(Kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

PHIẾU KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH			
Mã số hồ sơ:⁽¹⁾....			
I. Thông tin chung			
Loại hình đánh giá:		☐ Cấp mới	☐ Cấp lại
Loại giấy chứng nhận:			
☐ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.			
☐ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.			
Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/Cơ sở đăng kiểm:			
Người liên hệ:		Điện thoại:	
II. Tiến trình			
1. Thành phần hồ sơ		Có	Không
1.1	Văn bản đề nghị	☐	☐
1.2	Bản vẽ bố trí chung	☐	☐
1.3	Báo cáo đánh giá và Giấy chứng nhận phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp ⁽²⁾	☐	☐
1.4	Danh sách trích ngang nhân lực	☐	☐
1.5	Danh sách thiết bị kiểm tra	☐	☐
1.6	Tài liệu khác (nếu có):	☐	☐
2. Tiếp nhận hồ sơ			
Ngày tiếp nhận:			
Người nộp:		Người nhận:	
Lịch kiểm tra xác nhận:			
3. Kiểm tra xác nhận thực tế			
3.1	Lần thứ nhất:		
3.1.1	Người phân công:	Ngày phân công:	
3.1.2	Người đánh giá 1:	Ngày đánh giá:	
	Người đánh giá ...:	Ngày đánh giá:	

3.1.3	Trưởng đoàn:	Ngày xác nhận:
3.1.4	Kết quả kiểm tra xác nhận: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu	
3.2	Lần thứ hai:	
3.2.1	Người phân công:	Ngày phân công:
3.2.2	Người đánh giá 1:	Ngày đánh giá:
	Người đánh giá ...:	Ngày đánh giá:
3.2.3	Trưởng đoàn:	Ngày xác nhận:
3.2.4	Kết quả kiểm tra xác nhận: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu	
4. Soát xét⁽³⁾		
Người soát xét:		Ngày soát xét:
5. Bàn giao lưu trữ hồ sơ		
Ngày bàn giao:		
Người giao:		Người nhận:

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Mã hồ sơ có cấu trúc như sau:

- XX-YYYY/ZZZZ đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

- XX-YYYY/ZZZZXM đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Trong đó: XX là mã tỉnh, thành phố (vd: Hà Nội là 29); YYYY là năm tiếp nhận hồ sơ; ZZZZ là số thứ tự của hồ sơ;

⁽²⁾ Thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp. Trường hợp có tổ chức đánh giá sự phù hợp nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đánh giá của cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải thì Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc kiểm tra xác nhận;

⁽³⁾ Nội dung soát xét bao gồm:

- Thành phần hồ sơ;
- Thành phần biên bản;
- Nội dung ghi trên giấy chứng nhận.

Phụ lục V
MẪU THÔNG BÁO TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN HỒ SƠ
Mã số hồ sơ⁽¹⁾:

Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Người liên hệ: Số điện thoại:

TT	Thành phần hồ sơ	
1	Văn bản đề nghị	☐
2	Bản vẽ bố trí chung	☐
3	Báo cáo đánh giá và Giấy chứng nhận phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp ⁽²⁾	☐
4	Danh sách trích ngang nhân lực	☐
5	Danh sách thiết bị kiểm tra	☐
6	Tài liệu khác (nếu có):	☐

Hồ sơ đề nghị của ...⁽³⁾... đã đầy đủ và được tiếp nhận theo quy định. Lịch kiểm tra xác nhận dự kiến vào ngày ... Sở Xây dựng thông báo để ...⁽³⁾... được rõ để lên kế hoạch chuẩn bị.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Hồ sơ.

..... ngày ... tháng... năm...

Người lập thông báo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

⁽²⁾ Thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp. Trường hợp có tổ chức đánh giá sự phù hợp nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đánh giá của cơ sở đăng

kiểm, cơ sở kiểm định khí thải thì Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc kiểm tra, xác nhận;

⁽³⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/Cơ sở đăng kiểm

Phụ lục VI
MẪU THÔNG BÁO TỪ CHỐI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

*(Kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
V/v từ chối tiếp nhận hồ sơ

Kính gửi:⁽¹⁾.....

I. Loại hồ sơ:

1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới:

☐ Cấp mới ☐ Cấp lại

2. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:

☐ Cấp mới ☐ Cấp lại

II. Lý do từ chối: hồ sơ không đầy đủ theo quy định tại Thông tư số

III. Các tài liệu còn thiếu:

.....
.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Hồ sơ.

..... ngày ... tháng... năm...

Người lập thông báo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm.

Phụ lục VII
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN CHUNG,
CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN LỰC, VIỆC VẬN HÀNH
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

*(Kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**Mẫu số 01. Biên bản kiểm tra xác nhận điều kiện chung, cơ cấu tổ chức,
nhân lực, việc vận hành cơ sở đăng kiểm xe cơ giới**

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số hồ sơ: ...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN CHUNG;
CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN LỰC; QUY TRÌNH, HƯỚNG DẪN NỘI BỘ;
VIỆC VẬN HÀNH THỬ CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI**

Loại hình kiểm tra xác nhận: ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

I. Yêu cầu chung

Nội dung đánh giá		Yêu cầu	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽¹⁾
1. Điều kiện chung				
Giấy tờ, tài liệu theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đất đai		Có		
Giấy tờ, tài liệu theo quy định của pháp luật về kết nối giao thông và đấu nối đường bộ		Có		
Giấy tờ, tài liệu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy		Có		
Diện tích mặt bằng cơ sở đăng kiểm (theo tài	Cơ sở chỉ lắp đặt 01 dây chuyền kiểm định loại I	≥ 1.250		
	Cơ sở chỉ lắp đặt 01 dây chuyền kiểm định loại II	≥ 1.500		
	Cơ sở chỉ lắp đặt 01 dây chuyền kiểm	≥ 1.500		

liệu) (m ²)	định loại tổng hợp			
	Cơ sở lắp đặt 02 dây chuyền kiểm định	≥ 2.500		
	Cơ sở lắp đặt ...n.... dây chuyền kiểm định	$\geq 2.500 + 625 \times (n - 2)$		
2. Cơ cấu tổ chức, hồ sơ nhân lực				
2.1. Điều kiện số lượng về nhân sự				
Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm là đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn về kiểm định xe cơ giới		≥ 1		
Lãnh đạo bộ phận kiểm định là đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn về kiểm định xe cơ giới có kinh nghiệm thực hiện công tác kiểm định đủ 60 tháng		≥ 1		
Đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn về kiểm định xe cơ giới		≥ 2		
2.2. Cơ cấu tổ chức, các bộ phận				
Quyết định thành lập các bộ phận		Có		
Quyết định bổ nhiệm Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm		Có		
Quyết định bổ nhiệm Lãnh đạo bộ phận kiểm định		Có		
Quyết định phân công Người ký giấy chứng nhận (nếu có)		Có		
2.3. Hồ sơ nhân lực:				
Hợp đồng lao động theo quy định; quyết định tuyển dụng hoặc tiếp nhận		Có		
Chứng chỉ đăng kiểm viên		Có		
3. Các quy định về xây dựng, ban hành quy trình, hướng dẫn nội bộ				
3.1. Xây dựng, ban hành quy trình, hướng dẫn nội bộ của cơ sở đăng kiểm để thực hiện đầy đủ các nội dung kiểm tra theo quy định về kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng		Có xây dựng, ban hành		
3.2. Phổ biến các tài liệu nêu tại 3.1 đến các bộ phận, cá nhân có liên quan		Có phổ biến		
4. Kiểm tra xác nhận việc thực hiện hoạt động kiểm định xe cơ giới				
4.1. Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và việc tuân thủ quy định thu giá dịch vụ, phí, lệ phí		Có		
4.2. Kiểm tra xác nhận hoạt động của dây chuyền kiểm định: sử dụng phương tiện phù hợp với từng		Thực hiện		

loại dây chuyền, thực hiện quy trình kiểm định và in kết quả	được		
5. Kiểm tra xác nhận việc vận hành cơ sở đăng kiểm xe cơ giới			
5.1. Thời gian vận hành thử đối với trường hợp cấp mới	≥ 01 tháng		
5.2. Tài liệu về việc vận hành thử thể hiện các nội dung: Lập hồ sơ phương tiện, kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới.	Có		
5.3. Dữ liệu kiểm định, dữ liệu camera thể hiện việc vận hành thử.	Có thể hiện		
5.4. Thực hiện vận hành thử toàn bộ hệ thống kiểm định bảo đảm kiểm định phương tiện được thông suốt từ đầu cho đến khi kết thúc	Thực hiện thuần thực và không xảy ra sự cố		

II. Yêu cầu khắc phục:

.....

III. Ghi nhận khác:

.....

IV. Kết luận chung:

☐ Đạt yêu cầu

☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 01 bản gửi về Sở Xây dựng.

Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm⁽²⁾

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đại diện Sở Xây dựng⁽³⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi theo yêu cầu quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới;

⁽²⁾ Ghi Đ với trường hợp đạt và KĐ đối với trường hợp không đạt;

⁽³⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với kiểm tra xác nhận lần đầu;

⁽⁴⁾ Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra xác nhận sẽ cùng ký. Từng thành viên kiểm tra xác nhận chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra xác nhận về nội dung được phân công thực hiện.

Mẫu số 02. Biên bản kiểm tra xác nhận điều kiện chung, cơ cấu tổ chức, nhân lực, việc vận hành cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ XÂY DỰNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số hồ sơ: ...

BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN CHUNG; CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN LỰC; QUY TRÌNH, HƯỚNG DẪN NỘI BỘ; VIỆC VẬN HÀNH THỦ CỦA CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

Loại hình kiểm tra xác nhận:

☐ Cấp mới

☐ Cấp lại

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

I. Yêu cầu chung

Nội dung đánh giá		Yêu cầu	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽¹⁾
1. Điều kiện chung				
Giấy tờ, tài liệu theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đất đai		Có		
Giấy tờ, tài liệu theo quy định của pháp luật về kết nối giao thông và đấu nối đường bộ		Có		
Giấy tờ, tài liệu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy		Có		
2. Điều kiện về diện tích				
Diện tích khu vực kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (theo tài liệu) (m ²)	Cơ sở chỉ lắp đặt 01 thiết bị đo khí thải	≥ 10		
	Cơ sở lắp đặt ...n.... thiết bị phân tích khí thải	$\geq 10 + 5x(n-1)$		
3. Cơ cấu tổ chức, hồ sơ nhân lực				
3.1. Điều kiện số lượng về nhân sự				
Đăng kiểm viên thực hiện công việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy		≥ 1		

3.2. Cơ cấu tổ chức, các bộ phận			
Quyết định thành lập các bộ phận	Có		
Quyết định bổ nhiệm Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm	Có		
Quyết định bổ nhiệm Lãnh đạo bộ phận kiểm định	Có		
Quyết định phân công Người ký giấy chứng nhận (nếu có)	Có		
3.3. Hồ sơ nhân lực:			
Hợp đồng lao động theo quy định; quyết định tuyển dụng hoặc tiếp nhận	Có		
Chứng chỉ đăng kiểm viên	Có		
4. Các quy định về xây dựng, ban hành quy trình, hướng dẫn nội bộ			
4.1. Xây dựng, ban hành quy trình, hướng dẫn nội bộ của cơ sở đăng kiểm để thực hiện đầy đủ các nội dung kiểm tra theo quy định về kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	Có xây dựng, ban hành		
4.2. Phổ biến các tài liệu nêu tại 4.1 đến các bộ phận, cá nhân có liên quan	Có phổ biến		
5. Kiểm tra xác nhận việc vận hành cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy			
5.1. Thời gian vận hành thử đối với trường hợp cấp mới	Có thực hiện		
5.2. Tài liệu về việc vận hành thử thể hiện việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Có		
5.3. Dữ liệu kiểm định, dữ liệu camera thể hiện việc vận hành thử.	Có thể hiện		
5.4. Thực hiện vận hành thử toàn bộ hệ thống kiểm định bảo đảm kiểm định phương tiện được thông suốt từ đầu cho đến khi kết thúc	Thực hiện thuận thực và không xảy ra sự cố		

II. Yêu cầu khắc phục:

.....

III. Ghi nhận khác:

.....

IV. Kết luận chung: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 01 bản gửi về Sở Xây dựng.

**Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập
cơ sở đăng kiểm⁽²⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đại diện Sở Xây dựng⁽³⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi Đ với trường hợp đạt và KĐ đối với trường hợp không đạt;*
- (2) Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với kiểm tra xác nhận lần đầu;*
- (3) Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra xác nhận sẽ cùng ký. Từng thành viên kiểm tra xác nhận chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra xác nhận về nội dung được phân công thực hiện.*

Phụ lục VIII

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT, VỊ TRÍ VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG (Kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01. Biên bản kiểm tra xác nhận cơ sở vật chất kỹ thuật, vị trí và hệ thống quản lý chất lượng cơ sở đăng kiểm xe cơ giới

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số hồ sơ: ...

BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT, VỊ TRÍ VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

Loại hình kiểm tra xác nhận: ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

Nội dung kiểm tra:

I. Yêu cầu chung:

Nội dung kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾		Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽²⁾
Khu vực dành cho xe chờ ⁽¹⁾	Không được sử dụng chung với khu vực kiểm tra			
Hệ thống đường nội bộ cho xe cơ giới và khu vực đỗ xe	Được phủ bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng			
	Chiều rộng mặt đường (phần vật liệu phủ) (m)	≥ 3,0		
Trang bị các hệ thống, thiết bị hỗ trợ	Có hệ thống âm thanh để thông báo cho chủ xe			
	Màn hình hiển thị tại phòng chờ	≥ 32 inch		
		Công khai quá trình hoạt động kiểm định ở các vị trí kiểm tra		
	Hệ thống camera, máy ảnh chụp ảnh xe cơ giới vào kiểm định	Ảnh chụp có hiển thị thời gian trên ảnh		
		Có độ phân giải từ 1280 x 720 pixels trở lên		

Tại vị trí kiểm tra khí thải ở trong nhà xưởng	Có thiết bị thông gió cưỡng bức		
Thiết bị kiểm tra	Được bố trí trong một hoặc nhiều xưởng kiểm định		
Thiết bị kiểm tra phanh, thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe, thiết bị đo độ khối	Trang bị kèm theo bộ dụng cụ kiểm tra xác nhận độ chính xác phù hợp với kiểu loại thiết bị theo quy định của nhà sản xuất		

II. Xưởng kiểm định, vị trí kiểm tra:

Nội dung kiểm tra		Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽²⁾
1. Xưởng kiểm định ⁽³⁾ :				
1.1. Đối với xưởng chỉ có 01 dây chuyền kiểm định				
Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) ⁽¹⁾	Đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I (m)	30 x 4 x 3,5		
	Đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II (m)	36 x 5 x 4,5		
	Đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền loại tổng hợp (m) ⁽⁸⁾			
1.2. Đối với xưởng nhiều dây chuyền kiểm định				
Khoảng cách giữa tâm hai dây chuyền kiểm định cạnh nhau ⁽¹⁾ (m)		≥ 4		
Khoảng cách từ tâm các dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất (hoặc tới mép gần nhất công trình cố định) của xưởng kiểm định (m)		≥ 2,0		
Kích thước thông xe tối thiểu (dài x cao) đối với các dây chuyền kiểm định loại I (m)		30 x 3,5		
Kích thước thông xe tối thiểu (dài x cao) đối với các dây chuyền kiểm định	Loại II (m)	36 x 4,5		
	Loại tổng hợp ⁽⁸⁾ (m)			
2. Vị trí kiểm tra:				
2.1. Dây chuyền số/loại dây chuyền:/.....				
a) Vị trí kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước:				
Vị trí đánh dấu trên sàn	Dây chuyền loại I (dài/rộng) (m)	Dài ≥ 4		
		Rộng ≥ 2,5		
	Dây chuyền loại II/loại tổng hợp (dài/rộng) (m)	Dài ≥ 12		
		Rộng ≥ 3		
Độ phẳng phần diện tích bánh xe đi qua (mm)		Không quá ±		

		6		
Độ phẳng vị trí kiểm tra trong trường hợp có các thiết bị khác lắp đặt trong vị trí này (trừ khe hở làm việc của thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm) (mm)		Không quá ± 6		
Đường ray để di chuyển thiết bị kiểm tra đèn	Độ dài (m)	≥ 4		
	Điều kiện lắp đặt	Chắc chắn, song song với mặt phẳng đỡ xe		
	Khi di chuyển thiết bị kiểm tra	Không bị xô dịch buồng đo		
Trong không gian tương ứng với khoảng cách tối thiểu 1,0 m phía trước thiết bị kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước		Không có các vật cản		
b) Vị trí kiểm tra phanh:				
Vị trí đánh dấu trên sàn	Dây chuyền loại I (m)	Dài (L)	L ≥ 14	
		Rộng (R)	R ≥ 3,5	
	Dây chuyền loại II/loại tổng hợp (m)	Dài (L)	L ≥ 22	
		Rộng (R)	R ≥ 4	
Vị trí lắp đặt thiết bị kiểm tra phanh		Theo chiều dọc của vị trí kiểm tra		
Độ phẳng khu vực ở khoảng cách tối thiểu 2,1 m phía trước và phía sau của đường trung tâm bộ thử phanh (mm)		≥ ± 6		
Khoảng cách gần nhất từ bộ thử phanh đến đầu hầm kiểm tra trong trường hợp bộ thử phanh lắp ngoài hầm kiểm tra (đối với bộ thử phanh con lăn) ⁽¹⁾ (m)		≥ 0,6		
Màn hình hiển thị thông tin điều khiển và giá trị kiểm tra		Lắp đặt ở vị trí dễ quan sát		
c) Vị trí kiểm tra gầm				
Kích thước làm việc của hầm	Dây chuyền loại I (m)	Dài (L)	L ≥ 6	
		Rộng (R)	0,6 ≤ R ≤ 1,00	
		Độ sâu (H)	1,3 ≤ H ≤ 1,75	
	Dây chuyền loại II/loại tổng hợp (m)	Dài (L)	L ≥ 12	
		Rộng (R)	0,7 ≤ R ≤ 1,05	
		Độ sâu (H)	1,2 ≤ H ≤ 1,6	
Số lượng lỗi lên xuống (vị trí)		≥ 2		

Chiều cao gờ bảo vệ so với mặt sàn: (mm)			≥ 50		
Thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm	Điều kiện lắp đặt		Trong phạm vi chiều dài làm việc của hầm kiểm tra		
	Khoảng cách từ điểm gần nhất của thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm đến mép trong của đầu hầm kiểm tra (m) ⁽¹⁾		$\geq 1,5$		
	Độ phẳng bề mặt làm việc của thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm với mặt sàn nhà xưởng tại vị trí lắp đặt (mm)		$\geq \pm 6$		
Kích nâng	Điều kiện lắp đặt		Trong phạm vi chiều dài làm việc của hầm kiểm tra		
	Kích nâng ở trạng thái chưa làm việc		Không được nhô cao quá so với gờ bảo vệ		
	Khoảng cách từ điểm gần nhất của bàn nâng của kích nâng (khi kích nâng ở vị trí gần đầu hầm nhất) đến điểm mép trong của đầu hầm kiểm tra ⁽¹⁾ (m)		$\geq 1,5$		
d) Vị trí kiểm tra độ trượt ngang bánh xe					
Khoảng cách hai điểm gần nhất tính từ thiết bị đo độ trượt ngang tới bề thử phanh (m)	Dây chuyền loại I	Lắp đặt bên trái	$\geq 0,8$		
		Lắp đặt bên phải ⁽⁸⁾			
	Dây chuyền loại II/loại tổng hợp	Lắp đặt bên trái	$\geq 2,8$		
		Lắp đặt bên phải ⁽⁸⁾			
đ) Vị trí kiểm tra cân khối lượng ⁽⁸⁾ : : ☐ Lắp đặt trong nhà xưởng; ☐ Lắp đặt ngoài nhà xưởng					
Thiết bị cân phải được lắp đặt chắc chắn			Thực hiện được		
Độ phẳng	Ở khoảng cách tối thiểu 2,5 m phía trước và phía sau của đường trung tâm thiết bị cân trực đơn (mm)		$\geq \pm 6$		
	Ở khoảng cách tối thiểu 10 m phía trước và phía sau của				

	đường trung tâm thiết bị cân cụm trục (mm)			
e) Sơn cảnh báo	Sơn tại các vị trí nguy hiểm (vị trí kiểm tra phanh, độ trượt ngang, cân khối lượng, hãm kiểm tra, thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm)	Có		
	Sơn sọc màu vàng-đen theo quy cách bề rộng 10 cm, nghiêng 45 độ	Có thực hiện		
2.2. Códây chuyền loại I, có dây chuyền loại II				
.....				

III. Nhà văn phòng

Nội dung kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽²⁾
Nhà văn phòng	Bố trí khu vực tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả kiểm định, lưu trữ hồ sơ		
	Có phòng chờ		
	Có phòng làm việc của nhân viên		
	Trang bị các thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động kiểm định		
	Có camera giám sát khu vực tiếp nhận hồ sơ kiểm định của khách hàng		

IV: Hệ thống thông tin quản lý kiểm định:

Nội dung kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽²⁾
4.1. Cơ sở dữ liệu kiểm định			
Cơ sở dữ liệu kiểm định	Có thông tin đơn vị, quá trình hoạt động của cơ sở đăng kiểm		
	Có thông tin nhân sự cơ sở đăng kiểm		
	Có thông tin về thiết bị (số seri thiết bị, thời gian kiểm tra)		
	Có dữ liệu về hồ sơ phương tiện, các lần thay đổi thông số kỹ thuật và thay đổi thông tin hành chính		
	Có dữ liệu kết quả kiểm định phương tiện: thông tin quản lý lần kiểm định, đánh giá lỗi của các hạng mục kiểm định không đạt, thông số đo của các thiết bị kiểm tra		
	Có thông tin quản lý, sử dụng phôi Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định		
	Có hình ảnh phương tiện khi kiểm định		

4.2. Hạ tầng công nghệ thông tin của cơ sở đăng kiểm			
Máy tính và mạng cục bộ (LAN)	Có máy chủ để lưu trữ cơ sở dữ liệu kiểm định và quản lý domain mạng		
	Có các máy tính để sử dụng cho phần mềm Quản lý kiểm định, phần mềm điều khiển thiết bị kiểm tra		
	Có thiết bị chuyển mạch mạng (switch)		
	Có hệ thống dây mạng có khả năng kết nối các máy tính tới thiết bị chuyển mạch mạng với tốc độ tối thiểu 100 Mbps		
Mạng máy tính diện rộng (WAN)	Có ít nhất 01 đường truyền Internet có địa chỉ IP tĩnh với băng thông tối thiểu 100 Mbps		
	Được trang bị thiết bị tường lửa (firewall) có tính năng tạo kênh kết nối mạng riêng ảo (VPN) tới hạ tầng công nghệ thông tin của Cục Đăng kiểm Việt Nam		
4.3. Hệ thống camera giám sát			
Hệ thống camera giám sát	Có độ phân giải video tối thiểu 1280 x 720 pixels		
	Có tốc độ khung hình tối thiểu 30 hình trên giây		
	Quan sát, lưu trữ được clip, hình ảnh các vị trí kiểm tra trên dây chuyền kiểm định cho khoảng thời gian tối thiểu 30 ngày		
	Có camera giám sát khu vực hầm kiểm tra		
	Có camera giám sát khu vực kiểm tra khí thải ngoài dây chuyền		
	Hình ảnh camera giám sát quá trình kiểm định trên dây chuyền phải kết nối với màn hình tại phòng chờ		
	Tín hiệu hình ảnh camera giám sát phải được kết nối tới Cục Đăng kiểm Việt Nam và Sở Giao thông vận tải tại địa phương để theo dõi, giám sát		
	Lưu trữ được tất cả hình ảnh trên dây chuyền kiểm tra		
4.4. Phần mềm quản lý kiểm định; phần mềm quản lý việc tính tiền, thu giá dịch vụ, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động kiểm định			
Có trang bị phần mềm quản lý kiểm định; phần mềm quản lý việc tính tiền, thu giá dịch vụ, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động kiểm định			

V. Các thông tin niêm yết

Nội dung kiểm tra:	Yêu cầu	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽²⁾
--------------------	---------	------------------	-------------------------

Các biển hiệu, bảng biểu (hoặc bảng điện tử) và các nội dung cần thông báo	a) Tại phòng chờ		
	Quy trình kiểm định và các vị trí kiểm tra theo quy trình ISO của đơn vị		
	Chu kỳ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới (kích thước tối thiểu khổ A1)		
	Các chỉ tiêu đánh giá về cường độ sáng và độ lệch chùm sáng của đèn chiếu sáng phía trước, lực phanh, độ trượt ngang, âm lượng còi, hàm lượng khí thải, độ khói (kích thước tối thiểu khổ A0)		
	Giấy tờ cần thiết khi lập hồ sơ phương tiện và kiểm định (kích thước tối thiểu A1)		
	Thông báo “Số điện thoại đường dây nóng” của cơ sở đăng kiểm, Cục Đăng kiểm Việt Nam và Sở Giao thông vận tải địa phương (kích thước tối thiểu A3)		
	Biểu giá dịch vụ kiểm định, phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận và phí sử dụng đường bộ theo quy định (kích thước tối thiểu A1)		
	Thời gian làm việc của cơ sở đăng kiểm		
	b) Tại xưởng kiểm định		
	Quy trình sử dụng thiết bị kiểm tra: được trình bày thành từng bảng có vị trí treo tương ứng với vị trí sử dụng thiết bị (có kích thước tối thiểu khổ A2)		
	Nội dung yêu cầu, tiêu chí đánh giá an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tham gia giao thông đường bộ (có kích thước tối thiểu khổ A0)		
	Chỉ báo về khu vực dành riêng cho kiểm định		
	(c) Biển hiệu cơ sở đăng kiểm		
	Theo mẫu ban hành kèm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới		

VI. Vị trí của cơ sở đăng kiểm⁽¹⁾

Nội dung kiểm tra:	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽²⁾
Phải cách cơ sở giáo dục phổ thông, bệnh viện (m)	≥ 50		

VII. Hệ thống quản lý chất lượng

Nội dung đánh giá ⁽⁷⁾	Bảng chứng / Ghi chú	Đánh giá ⁽²⁾
----------------------------------	----------------------	-------------------------

1. Yêu cầu về tính khách quan, độc lập và bảo mật <i>(Ghi nhận các bằng chứng về chính sách, cam kết của nhân sự, hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát xung đột lợi ích và bảo mật thông tin...)</i>		
2. Yêu cầu về cơ cấu tổ chức và nhân sự <i>(Ghi nhận các bằng chứng về sơ đồ tổ chức, bản mô tả công việc, quy trình quản lý năng lực, hồ sơ nhân sự, hoạt động đào tạo...)</i>		
3. Yêu cầu về cơ sở vật chất và thiết bị <i>(Ghi nhận các bằng chứng về hồ sơ pháp lý CSVN, quy trình quản lý thiết bị, hồ sơ hiệu chuẩn/kiểm định, hoạt động bảo trì, quản lý hạ tầng CNTT...)</i>		
4. Yêu cầu về quá trình và phương pháp kiểm định <i>(Ghi nhận bằng chứng về việc tuân thủ các quy trình nghiệp vụ, khả năng truy xuất của hồ sơ kiểm định, việc kiểm soát các văn bản pháp quy bên ngoài...)</i>		
5. Yêu cầu về vận hành hệ thống quản lý <i>(Ghi nhận bằng chứng về việc thiết lập và thực hiện mục tiêu chất lượng, kiểm soát tài liệu, đánh giá nội bộ, xem xét của lãnh đạo, hành động khắc phục, xử lý khiếu nại...)</i>		

VIII. Ghi nhận khác (nếu có)

IX. Diễn giải nội dung không đạt

X. Kết luận chung⁽⁴⁾:

☐ Đạt yêu cầu

☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 01 bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và 01 bản lưu tại Sở Xây dựng.

Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm⁽⁵⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cục Đăng kiểm Việt Nam⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Sở Xây dựng⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi các thông số đối với kiểm tra lần đầu hoặc nếu có thay đổi với một trong các trường hợp, trường hợp khác để trống (có bản vẽ kèm theo);

⁽²⁾ Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu ghi “Đ”, không đạt ghi “KĐ”, không áp dụng ghi “/”;

⁽³⁾ Trường hợp cơ sở có các dây chuyền lắp đặt tại các nhà xưởng độc lập thì ghi rõ xác định tại từng nhà xưởng một;

⁽⁴⁾ Tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng;

⁽⁵⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với kiểm tra xác nhận lần đầu;

⁽⁶⁾ Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra xác nhận sẽ cùng ký. Từng thành viên kiểm tra xác nhận chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra xác nhận về nội dung được phân công thực hiện;

⁽⁷⁾ Ghi theo yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

⁽⁸⁾ Ghi bổ sung các quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy khi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có hiệu lực.

Mẫu số 02. Biên bản kiểm tra xác nhận cơ sở vật chất kỹ thuật, vị trí và hệ thống quản lý chất lượng cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số hồ sơ: ...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT,
VỊ TRÍ VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH
KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY**

Loại hình kiểm tra xác nhận: ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại ☐ Bổ sung, thay thế

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

Nội dung kiểm tra:

I. Mặt bằng đơn vị

Mục	Tiêu chí phân loại	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Khoảng cách giữa cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy với cơ sở giáo dục phổ thông, bệnh viện ⁽²⁾	≥ 50 m		
2.	Có khu vực chờ và trả kết quả kiểm định	Có		
3.	Khu vực kiểm định phải được đánh dấu bằng đường viền màu vàng trên sàn với chiều rộng đường viền là 10 cm	Có		

II. Camera giám sát

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Số lượng camera AI sử dụng riêng cho việc giám sát kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:			
	Camera phục vụ quan sát khu vực kiểm định	≥ 1		
	Camera kiểm soát thao tác của đăng kiểm viên kiểm định khí thải	02 camera tương ứng với mỗi thiết bị phân tích khí thải		
	Camera nhận diện khuôn mặt của đăng kiểm viên kiểm định khí thải	01 camera tương ứng với mỗi thiết bị phân tích		

		khí thải		
2.	Camera giám sát đảm bảo quan sát, lưu trữ được clip, hình ảnh vị trí kiểm tra cho khoảng thời gian tối thiểu 30 ngày	Thực hiện được		
3.	Tín hiệu hình ảnh camera giám sát kết nối tới Sở Xây dựng địa phương, Cục Đăng kiểm Việt Nam để theo dõi, giám sát	Thực hiện được		

III. Các thông tin niêm yết

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Biển hiệu	Theo mẫu ban hành kèm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy		
2.	Các thông tin cần công khai	Theo quy định của Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới		

IV. Hệ thống quản lý chất lượng

Nội dung đánh giá ⁽⁷⁾	Bằng chứng / Ghi chú	Đánh giá ⁽²⁾
1. Yêu cầu về tính khách quan, độc lập và bảo mật (Ghi nhận các bằng chứng về chính sách, cam kết của nhân sự, hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát xung đột lợi ích và bảo mật thông tin...)		
2. Yêu cầu về cơ cấu tổ chức và nhân sự (Ghi nhận các bằng chứng về sơ đồ tổ chức, bản mô tả công việc, quy trình quản lý năng lực, hồ sơ nhân sự, hoạt động đào tạo...)		
3. Yêu cầu về cơ sở vật chất và thiết bị (Ghi nhận các bằng chứng về hồ sơ pháp lý CSVC, quy trình quản lý thiết bị, hồ sơ hiệu chuẩn/kiểm định, hoạt động bảo trì, quản lý hạ tầng CNTT...)		
4. Yêu cầu về quá trình và phương pháp kiểm định (Ghi nhận bằng chứng về việc tuân thủ các quy trình nghiệp vụ, khả năng truy xuất của hồ sơ kiểm định, việc kiểm soát các văn bản pháp quy bên ngoài...)		
5. Yêu cầu về vận hành hệ thống quản lý (Ghi nhận bằng chứng về việc thiết lập và thực hiện mục tiêu chất lượng, kiểm soát tài liệu, đánh giá nội bộ, xem xét của lãnh đạo, hành động khắc phục, xử lý khiếu nại...)		

V. Thiết bị phân tích khí thải

1. Thông tin về thiết bị

- a. Nhãn hiệu/Model:/.....
- b. Mã nhận dạng/Số Serial/Phiên bản phần mềm:/...../.....
- c. Thiết bị kiểm tra số:
- d. Năm sản xuất/ Năm sử dụng/Nước sản xuất:/...../.....
- đ. Số GCN/thời hạn tem:/.....
- e. Tiêu chuẩn đáp ứng⁽¹⁾: ☐ ISO ☐ OIML ☐ IEC ☐ TCVN

2. Yêu cầu kỹ thuật⁽²⁾

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾		Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Đo và hiển thị được các thành phần khí thải của động cơ cháy cưỡng bức: CO, CO ₂ , HC, O ₂	Đo và hiển thị được			
2.	Hiển thị được hệ số Lambda (λ)	Hiển thị được			
3.	Ghi nhận và hiển thị được tốc độ và nhiệt độ dầu động cơ trong quá trình kiểm tra	Thực hiện ghi nhận và hiển thị được			
4.	Kích thước đầu lấy mẫu	Phù hợp theo yêu cầu đo theo khuyến cáo của nhà sản xuất thiết bị			
5.	Chiều dài đầu lấy mẫu nằm trong ống xả	≥ 300 mm			
6.	Hình dạng ống xả không cho phép đưa đầu lấy mẫu vào sâu	Phải nổi dài ống xả			
67.	Thông số dải đo, độ chính xác của thiết bị phân tích khí xả ⁽¹⁾	Chỉ số/ hệ số	Dải đo	Độ chính xác	
		CO (% vol)	0 - 5	$\pm 0,03$ hoặc $\pm 5\%$ tương đối (lấy giá trị lớn hơn)	
		CO ₂ (%vol)	0 - 16	$\pm 0,5$ hoặc $\pm 5\%$ tương đối (lấy giá trị lớn hơn)	
		HC (ppm)	0 - 10000	± 10 hoặc $\pm 5\%$ tương đối (lấy giá trị lớn hơn)	
		O ₂ (% vol)	0 - 21	$\pm 0,1$ hoặc $\pm 5\%$ tương đối (lấy giá trị lớn hơn)	

		Lamda (λ)	0,8 - 1,2	Không quy định		
		Tốc độ động cơ (v/p)	400 - 7.500	Không quy định		
		CO (% vol)	0 - 5	$\pm 0,03$ hoặc $\pm 5\%$ tương đối (lấy giá trị lớn hơn)		
78.	Khả năng hiển thị và lưu trữ kết quả đo bằng giá trị nồng độ các thành phần khí thải, hệ số lamda, giá trị tốc độ và nhiệt độ dầu động cơ ở chế độ tốc độ không tải và chế độ tốc độ không tải có tăng tốc			Thực hiện được		

3. Kiểm tra tình trạng hoạt động

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Màn hình	Hiển thị rõ và đầy đủ các thông tin		
2.	Đầu lấy mẫu	Phải nguyên vẹn, không móp méo, rò rỉ, không bị tắc		
		Phải được trang bị kèm theo cơ cấu kẹp chặt vào ống xả		
3.	Hệ thống tách nước chống xâm nhập vào buồng kiểm tra	Có trang bị		
4.	Hình dạng ống xả không cho phép đưa đầu lấy mẫu vào sâu	Phải nối dài ống xả		
5.	Cảm biến tốc độ quay của trục khuỷu động cơ	lấy được tín hiệu và biến thiên theo tốc độ quay thực tế của trục khuỷu động cơ		
6.	Cảm biến nhiệt độ dầu động cơ	Nhận được tín hiệu khi tiếp xúc với nguồn nhiệt		
7.	Máy tính	Hoạt động bình thường và kết nối được với mạng nội bộ và truyền được số liệu		
8.	Hiển thị giá trị các chỉ số HC, CO, CO ₂ , hệ số (λ), tốc độ vòng quay, nhiệt độ dầu hiển thị ở trạng thái sẵn sàng làm việc	Không hiển thị giá trị hoặc hiển thị giá trị trong sai số cho phép của nhà sản xuất		

4. Yêu cầu về phần mềm Quản lý kiểm định khí thải

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
-----	-------------------	------------------------	------------------	-------------------------

1.	Phần mềm Quản lý kiểm định		Kết nối được với các thiết bị kiểm tra		
Tính năng của phần mềm Quản lý kiểm định					
2.	Điều khiển các thiết bị hoạt động đúng chức năng theo quy trình kiểm tra		Đúng quy trình kiểm tra		
3.	Hiển thị các giá trị đo theo thời gian thực		Hiển thị được		
4.	Đưa ra chỉ thị để người kiểm tra thực hiện các thao tác		Đưa ra chỉ thị thực hiện		
5.	Đọc được các kết quả đo tương ứng với từng thiết bị khi kết thúc quá trình kiểm tra		Đọc được kết quả		
6.	Phần mềm Quản lý kiểm định kết nối, trao đổi thông tin với thiết bị	Phương tiện chờ kiểm tra	Thực hiện được		
		Kết quả kiểm tra của phương tiện đã hoàn thành kiểm tra kèm theo số serial, thời gian thực kiểm tra	Thực hiện được		
		Kết nối, trao đổi thông tin	Thực hiện được		
		Dữ liệu kết quả kiểm tra	Thực hiện được		
7.	Truy xuất dữ liệu để hiển thị và in ra kết quả của các lần kiểm tra được lưu trữ		Thực hiện được		
8.	Truy xuất được số serial, thời gian thực		Thực hiện được		

5. Tài liệu của thiết bị

Mục	Loại tài liệu	Yêu cầu	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Chứng từ sở hữu ⁽²⁾ :	Có		
2.	C/O ⁽²⁾ :	Có		
3.	C/Q ⁽²⁾ :	Có		
4.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng:	Có		
5.	Sổ quản lý thiết bị:	Có		
6.	Tài liệu chứng minh phù hợp với ISO, OIML, IEC, TCVN ⁽²⁾ :	Có		

VI. Ghi nhận khác (nếu có)

VII. Diễn giải nội dung không đạt

VIII. Kết luận chung⁽⁴⁾:

☐ Đạt yêu cầu

☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 01 bản gửi về Cơ quan kiểm tra xác nhận.

**Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ
sở đăng kiểm⁽⁵⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Sở Xây dựng⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Đối chiếu với tài liệu của nhà sản xuất thiết bị;*
- (2) Chỉ áp dụng đối với kiểm tra xác nhận lần đầu;*
- (3) Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu ghi “Đ”, không đạt ghi “KĐ”; không áp dụng ghi “/”;*
- (4) Tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng;*
- (5) Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với kiểm tra xác nhận lần đầu;*
- (6) Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra xác nhận sẽ cùng ký. Từng thành viên kiểm tra xác nhận chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra xác nhận về nội dung được phân công thực hiện;*
- (7) Ghi theo yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.*

Phụ lục IX
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN THIẾT BỊ KIỂM TRA,
THIẾT BỊ HỖ TRỢ KIỂM TRA, DỤNG CỤ KIỂM TRA,
DỤNG CỤ HỖ TRỢ KIỂM TRA
(Kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01. Biên bản kiểm tra xác nhận thiết bị hỗ trợ kiểm tra, dụng cụ kiểm tra, dụng cụ hỗ trợ kiểm tra

ỦY BAN NHÂN DÂN..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mã số hồ sơ: ...

BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN THIẾT BỊ HỖ TRỢ KIỂM TRA,
DỤNG CỤ KIỂM TRA, DỤNG CỤ HỖ TRỢ KIỂM TRA

Loại hình kiểm tra, xác nhận: ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại ☐ Bổ sung, thay thế

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

Dây chuyền số:

I. Thông tin về thiết bị hỗ trợ kiểm tra, dụng cụ kiểm tra, dụng cụ hỗ trợ kiểm tra

Mục	Tên thiết bị, dụng cụ	Nhãn hiệu	Model	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Thông tin khác
1.	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm					- Số serial (nếu có):
2.	Kích nâng xe					- Loại: ☐ Thủy lực ☐ Khác
3.	Thiết bị nâng (cầu nâng) xe cơ giới để thay thế hàm kiểm tra (nếu có)					- Loại: ☐ Thủy lực ☐ Khác - Số serial/Số giấy chứng nhận kiểm định (nếu có):
4.	Thước cuộn					- Số GCN/kiểm định:

						- Số tem kiểm định:
5.	Thiết bị đo độ truyền sáng kính chắn gió(8)					- Model:..... - Số serial:.....
6.	Búa kiểm tra					
7.	Dụng cụ kiểm tra áp suất lốp					
8.	Đèn soi kiểm tra cầm tay					
9.	Gương quan sát hỗ trợ kiểm tra đèn tín hiệu					
10.	Cục chèn bánh xe					
11.	Thanh, đòn hỗ trợ kiểm tra bánh xe					
12.	Kích nâng di động (nếu có)					
13.	Dụng cụ đo tốc độ (nếu có)					
14.	Trang bị bảo vệ an toàn cách điện cho đăng kiểm viên khi thực hiện công việc kiểm tra xe điện, xe hybrid điện ⁽⁸⁾	Kính bảo hộ				
		Ủng cách điện				
		Thảm cách điện				
		Móc kéo người cách điện				
		Găng tay cách điện				

II. Nội dung kiểm tra

A. Điều kiện lắp đặt⁽²⁾: (Ghi nhận kết quả theo biên bản kiểm tra, xác nhận cơ sở vật chất kỹ thuật): ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

B. Yêu cầu kỹ thuật thiết bị⁽²⁾

TT	Hạng mục kiểm tra		Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm ⁽¹⁾	Khả năng chịu tải trọng trục tối thiểu	2.000 kg/trục (loại I)		
			13.000 kg/trục (loại II)		
2.	Kích nâng ⁽¹⁾	Nâng cả hai bánh xe trên	Nâng được		

		cùng một trục			
		Khả năng chịu tải trọng trục tối thiểu	≥ 5 tấn (loại I) ≥ 15 tấn (loại II)		
3.	Thiết bị nâng (cầu nâng) - dây chuyên loại I	Sức nâng ⁽¹⁾	≥ 5 tấn		
		Chiều cao nâng ⁽¹⁾	$\geq 1,3$ m		
		Được kiểm định an toàn	Có giấy chứng nhận		
4.	Thước cuộn	Đơn vị đo	Hệ SI (mét)		
		Chiều dài tối thiểu	≥ 20 m		
5.	Búa kiểm tra	Là búa chuyên dùng kiểm tra được chất lượng mối ghép bằng bu lông	Phù hợp với xe kiểm tra		
6.	Dụng cụ kiểm tra áp suất lốp	Đơn vị đo	Hệ SI (bar)		
		Dải đo	0 ÷ 12 (bar)		
7.	Đèn soi kiểm tra cầm tay	Điện áp	≤ 36 V		
		Khả năng cách điện	Có		
8.	Gương quan sát	Loại	Cầu lồi		
		Đường kính của bề mặt phản xạ	≥ 600 mm		
9.	Thanh, đòn hỗ trợ kiểm tra		Phù hợp với xe kiểm tra		
10.	Cục chèn bánh xe	Vật liệu	Gỗ hoặc cao su		
		Chống trôi xe trong quá trình kiểm tra	Chèn được bánh xe để chặn xe dịch chuyển		
11.	Kích nâng di động ⁽¹⁾ (nếu có)	Khả năng chịu tải trọng bánh xe tối thiểu	≥ 2.5 tấn/ bánh xe (loại I) ≥ 7.5 tấn/ bánh xe (loại II)		
12.	Thiết bị đo độ truyền sáng kính chắn gió ⁽⁸⁾	Dải đo ⁽¹⁾	0 - 100%		
		Sai số ⁽¹⁾	$\pm 2\%$		
13.	Dụng cụ đo tốc độ ⁽¹⁾ (nếu có)	Dải đo	0 - 80 km/h		
		Bước đo	≤ 1 km/h		

C. Kiểm tra tình trạng hoạt động thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Thiết bị hỗ trợ kiểm	Không bị rò rỉ môi chất công tác, các công tắc điều khiển hoạt động đúng		

	tra gầm	chức năng		
		Đưa xe vào kiểm tra, thiết bị phải dịch chuyển đúng hướng theo công bố của nhà sản xuất, không có tiếng kêu bất thường, không bị kẹt		
		Phương dịch chuyển và chế độ làm việc phù hợp với công bố nhà sản xuất		
		Hành trình dịch chuyển được sang trái, sang phải		
		Hành trình dịch chuyển được lên, xuống (nếu có)		
2.	Kích nâng	Không có dấu hiệu rò rỉ môi chất công tác, các công tắc điều khiển, đồng hồ chỉ báo áp suất hoạt động bình thường		
		Đưa xe vào kiểm tra, kích nâng phải nâng được trục xe phù hợp theo các dây chuyền kiểm định tương ứng		
3.	Thiết bị đo độ truyền sáng kính chắn gió ⁽⁸⁾	Có màn hình hiển thị kết quả kiểm tra		
		Kết nối và truyền được số liệu sang máy tính		
4.	Thiết bị nâng (cầu nâng) - dây chuyền loại I	Không có dấu hiệu rò rỉ môi chất công tác, các công tắc điều khiển, đồng hồ chỉ báo áp suất hoạt động bình thường		
		Đưa xe vào kiểm tra, kích nâng phải nâng được trục xe phù hợp theo các dây chuyền kiểm định tương ứng		

III. Tài liệu của thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm

Mục	Loại tài liệu	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Chứng từ sở hữu (quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng) ⁽²⁾ :	Có		
2.	C/O ⁽²⁾ :	Có		
3.	C/Q ⁽²⁾ :	Có		
4.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng ⁽²⁾ :	Có		
5.	Sổ quản lý thiết bị:	Có		

IV. Tài liệu của thiết bị kích nâng hoặc cầu nâng: ☐ Kích nâng; ☐ Cầu nâng

Mục	Loại tài liệu	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Chứng từ sở hữu (quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng) ⁽²⁾ :	Có		
2.	C/O ⁽²⁾ :	Có		

3.	C/Q ⁽²⁾ :	Có		
4.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng ⁽²⁾ :	Có		
5.	Sổ quản lý thiết bị:	Có		

V. Tài liệu của thiết bị đo độ truyền sáng

Mục	Loại tài liệu	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Chứng từ sở hữu (quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng) ⁽²⁾ :	Có		
2.	C/O ⁽²⁾ :	Có		
3.	C/Q ⁽²⁾ :	Có		
4.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng ⁽²⁾ :	Có		
5.	Sổ quản lý thiết bị:	Có		

VI. Ghi nhận khác (nếu có)

.....

VII. Diễn giải nội dung không đạt

.....

VIII. Kết luận chung ⁽⁴⁾: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 01 bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và 01 bản lưu tại Sở Xây dựng.

Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm⁽⁵⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cục Đăng kiểm Việt Nam⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Sở Xây dựng⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Đối chiếu với tài liệu của nhà sản xuất thiết bị;

⁽²⁾ Chỉ kiểm tra lần đầu (trừ trường hợp đánh giá cấp lại, đánh giá bổ sung đây chuyên);

⁽³⁾ Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu ghi “Đ”, không đạt ghi “KĐ”; không áp dụng ghi “/”;

⁽⁴⁾ Tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng;

⁽⁵⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với kiểm tra, xác nhận lần đầu;

⁽⁶⁾ Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra, xác nhận sẽ cùng ký. Từng thành viên kiểm tra, xác nhận chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, xác nhận về nội dung được phân công thực hiện;

⁽⁷⁾ Ghi theo yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

⁽⁸⁾ Ghi bổ sung các nội dung theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Mẫu số 02. Biên bản kiểm tra xác nhận thiết bị đo độ khối

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số hồ sơ: ...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN
THIẾT BỊ ĐO ĐỘ KHỐI**

Loại hình kiểm tra, xác nhận: ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại ☐ Bổ sung, thay thế

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

I. Thông tin về thiết bị

1. Nhãn hiệu/Model:/.....

2. Số Serial/Phiên bản phần mềm:/.....

3. Dây chuyên số:

4. Năm sản xuất/ Năm sử dụng/Nước sản xuất:/...../.....

5. Tiêu chuẩn đáp ứng⁽¹⁾: ☐ ISO ☐ OIML ☐ IEC ☐ TCVN

II. Nội dung kiểm tra

A. Yêu cầu kỹ thuật thiết bị⁽²⁾

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾		Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1	Tính năng	Đo được độ khối (%HSU) hoặc hệ số hấp thụ ánh sáng (m-1)			
		Ghi nhận được tốc độ nhỏ nhất, lớn nhất của động cơ, thời gian gia tốc và nhiệt độ dầu động cơ ở mỗi chu trình đo			
		Đo được các thông số ở chế độ gia tốc tự do			
2.	Cơ cấu kẹp chặt vào ống xả kèm theo đầu lấy mẫu	Có trang bị			
3.	Kích thước đầu lấy mẫu	Phù hợp theo yêu cầu đo theo khuyến cáo của nhà sản xuất thiết bị			
4.	Chiều dài đầu lấy mẫu nằm trong ống xả	≥ 50 mm			
5.	Thông số	Chỉ số/ hệ số	Dải đo	Độ chính	

	dải đo, độ chính xác của thiết bị phân tích khí xả ⁽¹⁾			xác		
		Độ khối (%HSU)	0 ÷ 99	± 2,0		
		Hệ số hấp thụ ánh sáng (m ⁻¹)	0 ÷ 9,99	± 0,3		
		Tốc độ động cơ (v/p)	400 ÷ 7500	Không quy định		
		Nhiệt độ dầu động cơ (°C)	0 ÷ 150	Không quy định		
6.	Xử lý, hiển thị và lưu trữ kết quả	Có khả năng hiển thị và lưu trữ kết quả đo bằng số	Giá trị độ khối hoặc hệ số hấp thụ ánh sáng			
			Tốc độ nhỏ nhất, lớn nhất của động cơ			
			Thời gian tăng tốc và nhiệt độ dầu động cơ ở mỗi chu trình đo			
		Ghi nhận kết quả đo	Độ khối hoặc hệ số hấp thụ ánh sáng trung bình			
			Chiều rộng dải đo của 03 chu trình đo sau cùng			

B. Kiểm tra tình trạng hoạt động thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Đầu lấy mẫu	Phải nguyên vẹn, không móp méo, không thùng lõm, không bị tắc		
		Phải được trang bị kèm theo cơ cấu kẹp chặt vào ống xả		
2.	Cảm biến tốc độ quay của trục khuỷu động cơ	Lấy được tín hiệu và biến thiên theo tốc độ quay thực tế của trục khuỷu động cơ		
3.	Cảm biến nhiệt độ dầu động cơ	Nhận được tín hiệu khi tiếp xúc với nguồn nhiệt		
4.	Chống nhiễu (tiếp đất) cho hệ thống tín hiệu thiết bị kiểm tra	Có trang bị chống nhiễu (tiếp đất)		
5.	Màn hình hiển thị	Hiển thị rõ và đầy đủ các thông tin kiểm tra		
6.	Khả năng kết nối	Kết nối được với phần mềm điều khiển thiết bị		
7.	Máy tính	Hoạt động bình thường và kết nối được với mạng nội bộ và truyền được số liệu		
8.	Giá trị độ khối, hệ số hấp	Không hiển thị giá trị hoặc hiển thị		

thụ ánh sáng, tốc độ vòng quay, nhiệt độ dầu hiển thị ở trạng thái sẵn sàng làm việc	giá trị trong sai số cho phép của nhà sản xuất		
--	--	--	--

C. Kiểm tra độ chính xác thiết bị: (Đơn vị $\square \text{ m}^{-1}$ hoặc $\square\%$ HSU)

Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu		Kết quả kiểm tra		Đánh giá ⁽³⁾
Độ chính xác	Thông số chuẩn	Sai số cho phép	Giá trị	Sai lệch	
		Theo công bố của nhà sản xuất và không được vượt quá $\pm 0,3 \text{ (m}^{-1}\text{)}$ hoặc $\pm 2 \text{ (%HSU)}$			

D. Yêu cầu về phần mềm điều khiển thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra		Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Phần mềm điều khiển thiết bị kết nối được với các thiết bị kiểm tra		Kết nối được với các thiết bị kiểm tra		
Tính năng của phần mềm điều khiển thiết bị					
2.	Điều khiển các thiết bị hoạt động đúng chức năng theo quy trình kiểm tra		Đúng quy trình kiểm tra		
3.	Hiển thị các giá trị đo theo thời gian thực		Hiển thị được		
4.	Đưa ra chỉ thị để người kiểm tra thực hiện các thao tác		Đưa ra chỉ thị thực hiện		
5.	Đọc được các kết quả đo tương ứng với từng thiết bị khi kết thúc quá trình kiểm tra		Đọc được kết quả		
6.	Kết nối, trao đổi thông tin với phần mềm Quản lý kiểm định	Phương tiện chờ kiểm tra	Thực hiện được		
		Kết quả kiểm tra của phương tiện đã hoàn thành kiểm tra kèm theo số serial, thời gian thực kiểm tra và ký hiệu của phiên bản phần mềm của thiết bị	Thực hiện được		
		Kết nối, trao đổi thông tin	Thực hiện được		
		Dữ liệu kết quả kiểm tra	Thực hiện được		
7.	Truy xuất dữ liệu để hiển thị và in ra kết quả của các lần kiểm tra được lưu trữ		Thực hiện được		
8.	Truy xuất được số serial, thời gian thực kiểm tra và ký hiệu của phiên bản phần mềm của thiết bị		Thực hiện được		
9.	Dữ liệu của phần mềm điều khiển	Mã hoá và chống can thiệp cơ sở dữ liệu trên máy chủ của đơn vị	Được mã hoá		
		Được sao lưu, lưu trữ trên máy	Lưu trữ được		

	thiết bị	chủ của đơn vị			
--	----------	----------------	--	--	--

III. Tài liệu của thiết bị

Mục	Loại tài liệu	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Chứng từ sở hữu (quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng) ⁽²⁾ :	Có		
2.	C/O ⁽²⁾ :	Có		
3.	C/Q ⁽²⁾ :	Có		
4.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng:	Có		
5.	Sổ quản lý thiết bị:	Có		
6.	Tài liệu chứng minh phù hợp với ISO, OIML, IEC, TCVN ⁽²⁾ :	Có		

IV. Diễn giải nội dung không đạt

.....

.....

V. Ghi nhận khác (nếu có)

.....

.....

V. Kết luận chung⁽⁴⁾: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 01 bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và 01 bản lưu tại Sở Xây dựng.

Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm⁽⁵⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cục Đăng kiểm Việt Nam⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Sở Xây dựng⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Đối chiếu với tài liệu của nhà sản xuất thiết bị;

⁽²⁾ Chỉ kiểm tra lần đầu (trừ trường hợp đánh giá cấp lại, đánh giá bổ sung đây chuyên);

⁽³⁾ Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu ghi “Đ”, không đạt ghi “KĐ”; không áp dụng ghi “/”;

⁽⁴⁾ Tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng;

⁽⁵⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với kiểm tra, xác nhận lần đầu;

⁽⁶⁾ Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra, xác nhận sẽ cùng ký. Từng thành viên kiểm tra, xác nhận chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, xác nhận về nội dung được phân công thực hiện;

⁽⁷⁾ Ghi theo yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

⁽⁸⁾ Ghi bổ sung các nội dung theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Mẫu số 03. Biên bản kiểm tra xác nhận thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số hồ sơ: ...

BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN THIẾT BỊ ĐO ĐỘ TRƯỢT NGANG CỦA BÁNH XE **Bàn trượt bên trái ☐ Bàn trượt bên phải⁽⁸⁾ ☐**

Loại hình kiểm tra, xác nhận: ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại ☐ Bổ sung, thay thế

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

I. Thông tin về thiết bị

1. Nhãn hiệu/Model:/.....

2. Số Serial/Phiên bản phần mềm:/.....

3. Dây chuyền số:

4. Năm sản xuất/ Năm sử dụng/Nước sản xuất:/...../.....

5. Tiêu chuẩn đáp ứng⁽¹⁾: ☐ ISO ☐ OIML ☐ IEC ☐ TCVN

II. Nội dung kiểm tra

A. Điều kiện lắp đặt⁽²⁾: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

(Ghi nhận kết quả theo biên bản kiểm tra, xác nhận cơ sở vật chất kỹ thuật)

B. Yêu cầu kỹ thuật thiết bị⁽²⁾

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá⁽³⁾
1.	Chức năng tự động đo và ghi nhận giá trị trượt ngang khi bánh xe lăn qua tấm trượt ngang	Thực hiện được		
2.	Cảm biến nhận biết tín hiệu đầu vào và đầu ra	Thực hiện được		
3.	Giới hạn tải trọng kiểm tra tối đa ⁽¹⁾	≥ 2.000 kg/trục hoặc 1000 kg/bánh xe (loại I)		

		$\geq 13.000 \text{ kg/trục hoặc } 6.500 \text{ kg/bánh xe (loại II)}$		
4.	Dải đo về hai phía ⁽¹⁾	$\geq 10 \text{ (mm/m hoặc m/km)}$		
5.	Bước đo ⁽¹⁾	$\leq 0,1 \text{ (mm/m hoặc m/km)}$		
6.	Sai số kết quả đo không quá ⁽¹⁾	$\pm 0,2 \text{ (mm/m hoặc m/km)}$		

C. Kiểm tra tình trạng hoạt động thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Bề mặt tấm trượt ngang	Đảm bảo cứng vững		
2.	Hành trình tối đa của tấm trượt khi di chuyển về hai phía	$\geq 10 \text{ mm}$		
3.	Kết nối và hiển thị	Kết nối được với phần mềm điều khiển thiết bị và hiển thị rõ ràng, đầy đủ các thông tin		
		Máy tính hoạt động bình thường, kết nối được với mạng nội bộ và truyền được số liệu, hiển thị rõ ràng, đầy đủ các thông tin		
4.	Tình trạng hoạt động:	Các chi tiết, bộ phận hoạt động bình thường (không bị kẹt, lắp đặt không chắc chắn)		
5.	Cảm biến nhận biết tín hiệu đầu vào và đầu ra	Thực hiện được		
6.	Ở trạng thái sẵn sàng làm việc	Không hiển thị giá trị hoặc hiển thị giá trị trong sai số cho phép của nhà sản xuất		

D. Kiểm tra độ chính xác thiết bị

Yêu cầu			Kết quả kiểm tra (mm/m)				Đánh giá ⁽³⁾
Thông số chuẩn (mm/m)	Thông số chuẩn theo nhà sản xuất (mm/m)	Sai số cho phép theo công bố của nhà sản xuất và không được vượt quá ±0,2 mm/m	Dịch trái		Dịch phải		
			Giá trị	Sai lệch	Giá trị	Sai lệch	
Độ chính xác của bàn trượt bên trái							
Độ chính xác của bàn trượt bên phải							

--	--	--	--	--	--	--	--

E. Yêu cầu về phần mềm điều khiển thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra		Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Phần mềm điều khiển thiết bị		Kết nối được với các thiết bị kiểm tra		
Tính năng của phần mềm điều khiển thiết bị					
2.	Điều khiển các thiết bị hoạt động đúng chức năng theo quy trình kiểm tra		Đúng quy trình kiểm tra		
3.	Hiển thị các giá trị đo theo thời gian thực		Hiển thị được		
4.	Đưa ra chỉ thị để người kiểm tra thực hiện các thao tác		Đưa ra chỉ thị thực hiện		
5.	Đọc được các kết quả đo tương ứng với từng thiết bị khi kết thúc quá trình kiểm tra		Đọc được kết quả		
6.	Kết nối, trao đổi thông tin với phần mềm Quản lý kiểm định	Phương tiện chờ kiểm tra	Thực hiện được		
		Kết quả kiểm tra của phương tiện đã hoàn thành kiểm tra kèm theo số serial của thiết bị, thời gian thực kiểm tra và ký hiệu của phiên bản phần mềm	Thực hiện được		
		Kết nối, trao đổi thông tin	Thực hiện được		
		Dữ liệu kết quả kiểm tra	Thực hiện được		
7.	Truy xuất dữ liệu để hiển thị và in ra kết quả của các lần kiểm tra được lưu trữ		Thực hiện được		
8.	Truy xuất được số serial, thời gian thực kiểm tra và ký hiệu của phiên bản phần mềm		Thực hiện được		
9.	Dữ liệu của phần mềm điều khiển thiết bị	Được mã hoá và chống can thiệp cơ sở dữ liệu trên máy chủ của đơn vị	Được mã hoá		
		Được sao lưu, lưu trữ trên máy chủ của đơn vị	Lưu trữ được		

III. Tài liệu của thiết bị

Mục	Loại tài liệu	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Chứng từ sở hữu (quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng) ⁽²⁾ :	Có		
2.	C/O ⁽²⁾ :	Có		
3.	C/Q ⁽²⁾ :	Có		
4.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng:	Có		

5.	Sổ quản lý thiết bị:	Có		
6.	Tài liệu chứng minh phù hợp với ISO, OIML, IEC, TCVN ⁽²⁾ :	Có		

IV. Diễn giải nội dung không đạt

V. Ghi nhận khác (nếu có)

VI. Kết luận chung⁽⁴⁾:

☐ Đạt yêu cầu

☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 01 bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và 01 bản lưu tại Sở Xây dựng.

Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm⁽⁵⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cục Đăng kiểm Việt Nam⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Sở Xây dựng⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Đối chiếu với tài liệu của nhà sản xuất thiết bị;

⁽²⁾ Chỉ kiểm tra lần đầu (trừ trường hợp đánh giá cấp lại, đánh giá bổ sung dây chuyền);

⁽³⁾ Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu ghi “Đ”, không đạt ghi “KĐ”; không áp dụng ghi “/”;

⁽⁴⁾ Tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng;

⁽⁵⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với kiểm tra, xác nhận lần đầu;

⁽⁶⁾ Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra, xác nhận sẽ cùng ký. Từng thành viên kiểm tra xác nhận chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, xác nhận về nội dung được phân công thực hiện;

⁽⁷⁾ Ghi theo yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

⁽⁸⁾ Ghi bổ sung các quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Mẫu số 04. Biên bản kiểm tra xác nhận thiết bị đo âm lượng

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số hồ sơ: ...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN
 THIẾT BỊ ĐO ÂM LƯỢNG**

Loại hình kiểm tra, xác nhận: ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại ☐ Bổ sung, thay thế

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

I. Thông tin về thiết bị

1. Nhãn hiệu/Model:/.....

2. Số Serial/Phiên bản phần mềm:/.....

3. Dây chuyền số:

4. Năm sản xuất/ Năm sử dụng/Nước sản xuất:/...../.....

5. Số GCN/thời hạn tem:/.....

6. Tiêu chuẩn đáp ứng⁽¹⁾: ☐ ISO ☐ OIML ☐ IEC ☐ TCVN

II. Nội dung kiểm tra

A. Yêu cầu kỹ thuật thiết bị ⁽²⁾

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Giữ giá trị âm thanh lớn nhất khi đo	Thực hiện được		
2.	Màn hình hiển thị bằng số	Có trang bị		
3.	Kết nối và truyền số liệu sang máy tính	Thực hiện được		
4.	Khả năng phản hồi kết quả đo thực hiện được ở cả mức nhanh (F) và mức chậm (S)	Thực hiện được		
5.	Bộ phận chắn gió trùm lên Micro	Có trang bị		
6.	Chiều rộng dải đo ⁽¹⁾	Từ 30 dB(A) đến 130dB(A)		
7.	Cấp chính xác ⁽¹⁾	Class/Type 2		

B. Kiểm tra tình trạng hoạt động thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Hoạt động ổn định	Ổn định		
2.	Màn hình hiển thị	Hiển thị rõ ràng các thông số		
3.	Bộ phận chắn gió trùm lên Micro	Không bị hỏng, rách		
4.	Kết nối và truyền số liệu sang máy tính	Thực hiện được		
5.	Khả năng làm việc	Chỉ số về âm lượng phải hiển thị tương ứng với sự thay đổi của cường độ âm thanh		

C. Yêu cầu về phần mềm điều khiển thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Phần mềm điều khiển thiết bị	Kết nối được với thiết bị kiểm tra		
Tính năng của phần mềm điều khiển thiết bị				
2.	Điều khiển các thiết bị hoạt động đúng chức năng theo quy trình kiểm tra	Đúng quy trình kiểm tra		
3.	Hiển thị các giá trị đo theo thời gian thực	Hiển thị được		
4.	Đưa ra chỉ thị để người kiểm tra thực hiện các thao tác	Đưa ra chỉ thị thực hiện		
5.	Đọc được các kết quả đo tương ứng với từng thiết bị khi kết thúc quá trình kiểm tra	Đọc được kết quả		
6.	Kết nối, trao đổi thông tin với phần mềm Quản lý kiểm định	Phương tiện chờ kiểm tra	Thực hiện được	
		Kết quả kiểm tra của phương tiện đã hoàn thành kiểm tra kèm theo số serial của thiết bị, thời gian thực kiểm tra và ký hiệu của phiên bản phần mềm	Thực hiện được	
		Kết nối, trao đổi thông tin	Thực hiện được	
		Dữ liệu kết quả kiểm tra	Thực hiện được	
7.	Truy xuất dữ liệu để hiển thị và in ra kết quả của các lần kiểm tra được lưu trữ	Thực hiện được		
8.	Truy xuất được số serial, thời gian thực kiểm tra và ký hiệu của phiên bản phần mềm	Thực hiện được		
9.	Dữ liệu của phần mềm điều khiển	Được mã hoá và chống can thiệp cơ sở dữ liệu trên máy chủ của đơn vị	Được mã hóa	

	thiết bị	Được sao lưu, lưu trữ trên máy chủ của đơn vị	Lưu trữ được		
--	----------	---	--------------	--	--

III. Tài liệu của thiết bị

Mục	Loại tài liệu	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Chứng từ sở hữu (quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng) ⁽²⁾ :	Có		
2.	C/O ⁽²⁾ :	Có		
3.	C/Q ⁽²⁾ :	Có		
4.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng:	Có		
5.	Sổ quản lý thiết bị:	Có		
6.	Tài liệu chứng minh phù hợp với ISO, OIML, IEC, TCVN ⁽²⁾ :	Có		

IV. Diễn giải nội dung không đạt

V. Ghi nhận khác (nếu có)

VI. Kết luận chung⁽⁴⁾: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 01 bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và 01 bản lưu tại Sở Xây dựng.

Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm⁽⁵⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cục Đăng kiểm Việt Nam⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Sở Xây dựng⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Đối chiếu với tài liệu của nhà sản xuất thiết bị;

⁽²⁾ Chỉ kiểm tra lần đầu (trừ trường hợp đánh giá cấp lại, đánh giá bổ sung dây chuyền);

⁽³⁾ Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu ghi “Đ”, không đạt ghi “KĐ”; không áp dụng ghi “/”;

⁽⁴⁾ Tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng;

⁽⁵⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với kiểm tra, xác nhận lần đầu;

⁽⁶⁾ Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra, xác nhận sẽ cùng ký. Từng thành viên kiểm tra, xác nhận chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, xác nhận về nội dung được phân công thực hiện;

⁽⁷⁾ Ghi theo yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

⁽⁸⁾ Ghi bổ sung các quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Mẫu số 05. Biên bản kiểm tra xác nhận thiết bị kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số hồ sơ: ...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN
THIẾT BỊ KIỂM TRA ĐÈN CHIẾU SÁNG PHÍA TRƯỚC**

Loại hình kiểm tra, xác nhận: ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại ☐ Bổ sung, thay thế

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

I. Thông tin về thiết bị

1. Nhãn hiệu/Model:/.....

2. Số Serial/Phiên bản phần mềm:/.....

3. Dây chuyền số:

4. Năm sản xuất/ Năm sử dụng/Nước sản xuất:/...../.....

5. Tiêu chuẩn đáp ứng⁽¹⁾: ☐ ISO ☐ OIML ☐ IEC ☐ TCVN

II. Nội dung kiểm tra

A. Điều kiện lắp đặt⁽²⁾: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

(Ghi nhận kết quả theo biên bản kiểm tra, xác nhận cơ sở vật chất kỹ thuật)

B. Yêu cầu kỹ thuật thiết bị⁽²⁾:

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Đo được cường độ sáng tại tâm quang học của đèn và tại điểm sáng lớn nhất của chùm sáng đèn chiếu xa	Thực hiện được		
2.	Đo được độ lệch chùm sáng của đèn chiếu xa	Thực hiện được		
3.	Xác định hình dạng chùm sáng đèn chiếu xa	Thực hiện được		
4.	Xác định được giao điểm của đường sáng tối, phần hình nêm nhô lên của chùm sáng (điểm gãy của đường cut-off) của đèn chiếu gần	Thực hiện được		
5.	Đo được độ lệch chùm sáng của đèn chiếu gần	Thực hiện được		
6.	Có khả năng di chuyển buồng đo lên, xuống và xoay một góc nhất định quanh trục đỡ buồng	Thực hiện được		

	đo; di chuyển được sang hai bên				
7.	Chiều cao trụ đỡ buồng đo		Điều chỉnh được từ 250 mm đến 1300 mm so với mặt sàn tại vị trí kiểm tra.		
8.	Có chức năng hỗ trợ xác định và định vị vị trí buồng đo song song và vuông góc với phương tiện		Thực hiện được		
8. 9.	Dải đo cường độ (cd) ⁽¹⁾		0 - 125000		
	Độ lệch dải đo cm/10m (%) ⁽¹⁾	Trên	0-60 (0-6)		
		Dưới	0-60 (0-6)		
		Trái	0-100 (0-10)		
		Phải	0-100 (0-10)		
9.	Độ chính xác của dải đo cường độ (cd) ⁽¹⁾		± 10 (%)		
10.	Độ chính xác của dải đo độ lệch cm/10m (%) ⁽¹⁾		± 2 (± 0,2)		
11.	Hiển thị cường độ, độ lệch chùm sáng của đèn chiếu xa; độ lệch chùm sáng của đèn chiếu gần		Thực hiện được		

C. Kiểm tra tình trạng hoạt động thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Trụ đỡ buồng đo	Theo phương thẳng đứng		
2.	Buồng đo	Được lắp đặt chắc chắn với trụ đỡ buồng đo và đảm bảo cân bằng ở vị trí kiểm tra theo cả phương dọc và phương ngang		
		Có khả năng di chuyển lên, xuống và xoay một góc nhất định quanh trục đỡ buồng đo		
		Di chuyển được sang hai bên		
3.	Sự di chuyển của bánh xe	Bánh xe di chuyển dễ dàng, không rơ rão		
4.	Màn hình	Hiển thị đầy đủ, rõ ràng các thông tin		
5.	Phím điều khiển	Hoạt động đúng chức năng		
6.	Thời gian làm việc tối thiểu khi ngắt nguồn điện	Duy trì tối thiểu 3 phút		
7.	Kết nối và truyền được dữ liệu	Thực hiện được		

D. Kiểm tra độ chính xác thiết bị

1. Kiểm tra độ lệch đèn chiếu gần: (đơn vị: □ cm/10 m; □ %)											
Hạng mục	Yêu cầu		Kết quả kiểm tra								Đánh giá ⁽³⁾
Độ chính xác	Thông số chuẩn	Sai số cho phép theo công bố của nhà sản xuất và không được vượt quá ± 2 cm/10m ($\pm 0,2$ %)	Trên		Dưới		Trái		Phải		
			Giá trị	Sai lệch	Giá trị	Sai lệch	Giá trị	Sai lệch	Giá trị	Sai lệch	

2. Kiểm tra cường độ sáng đèn chiếu xa:											
Độ chính xác	Thông số chuẩn (cd)	Sai số cho phép theo công bố của nhà sản xuất và không được vượt quá ± 10 %	Giá trị (cd)		Sai lệch (%)						

E. Yêu cầu về phần mềm điều khiển thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra		Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Phần mềm điều khiển thiết bị		Kết nối được với các thiết bị kiểm tra		
Tính năng của phần mềm điều khiển thiết bị					
2.	Điều khiển các thiết bị hoạt động đúng chức năng theo quy trình kiểm tra		Đúng quy trình kiểm tra		
3.	Hiển thị các giá trị đo theo thời gian thực		Hiển thị được		
4.	Đưa ra chỉ thị để người kiểm tra thực hiện các thao tác		Đưa ra chỉ thị thực hiện		
5.	Đọc được các kết quả đo tương ứng với từng thiết bị khi kết thúc quá trình kiểm tra		Đọc được kết quả		
6.	Kết nối, trao đổi thông tin với phần mềm Quản lý kiểm	Phương tiện chờ kiểm tra	Thực hiện được		
		Kết quả kiểm tra của phương tiện đã hoàn thành kiểm tra kèm theo số serial, thời gian thực kiểm tra và ký hiệu của phiên bản phần mềm	Thực hiện được		

	định	Kết nối, trao đổi thông tin	Thực hiện được		
		Dữ liệu kết quả kiểm tra	Thực hiện được		
7.	Truy xuất dữ liệu để hiển thị và in ra kết quả của các lần kiểm tra được lưu trữ		Thực hiện được		
8.	Truy xuất được số serial, thời gian thực và ký hiệu của phiên bản phần mềm		Thực hiện được		
9.	Dữ liệu của phần mềm điều khiển thiết bị	Được mã hoá và chống can thiệp cơ sở dữ liệu trên máy chủ của đơn vị	Được mã hóa		
		Được sao lưu, lưu trữ trên máy chủ của đơn vị	Lưu trữ được		

III. Tài liệu của thiết bị

Mục	Loại tài liệu	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Chứng từ sở hữu (quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng) ⁽²⁾ :	Có		
2.	C/O ⁽²⁾ :	Có		
3.	C/Q ⁽²⁾ :	Có		
4.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng:	Có		
5.	Sổ quản lý thiết bị:	Có		
6.	Tài liệu chứng minh phù hợp với ISO, OIML, IEC, TCVN ⁽²⁾ :	Có		

IV. Diễn giải nội dung không đạt

.....

V. Ghi nhận khác (nếu có)

.....

VI. Kết luận chung⁽⁴⁾: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 01 bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và 01 bản lưu tại Sở Xây dựng.

Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm⁽⁵⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cục Đăng kiểm Việt Nam⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Sở Xây dựng⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Đối chiếu với tài liệu của nhà sản xuất thiết bị;
- (2) Chỉ kiểm tra lần đầu (trừ trường hợp đánh giá cấp lại, đánh giá bổ sung đây chuyên);
- (3) Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu ghi “Đ”, không đạt ghi “KĐ”; không áp dụng ghi “/”;
- (4) Tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng;
- (5) Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với kiểm tra, xác nhận lần đầu;
- (6) Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra, xác nhận sẽ cùng ký. Từng thành viên kiểm tra, xác nhận chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, **XÁC NHẬN** về nội dung được phân công thực hiện;
- (7) Ghi theo yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.
- (8) Ghi bổ sung các quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Mẫu số 06. Biên bản kiểm tra xác nhận thiết bị phân tích khí xả
ỦY BAN NHÂN DÂN..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số hồ sơ: ...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN
THIẾT BỊ PHÂN TÍCH KHÍ XẢ**

Loại hình kiểm tra, xác nhận: ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại ☐ Bổ sung, thay thế

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

I. Thông tin về thiết bị

1. Nhãn hiệu/Model:/.....

2. Số Serial/Phiên bản phần mềm:/.....

3. Dây chuyền số:

4. Năm sản xuất/ Năm sử dụng/Nước sản xuất:/...../.....

5. Số GCN/thời hạn tem:/.....

6. Tiêu chuẩn đáp ứng⁽¹⁾: ☐ ISO ☐ OIML ☐ IEC ☐ TCVN

II. Nội dung kiểm tra

A. Yêu cầu kỹ thuật thiết bị⁽²⁾

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾		Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Đo và hiển thị được các thành phần khí thải của động cơ cháy cưỡng bức: CO, CO ₂ , HC, O ₂	Đo và hiển thị được			
2.	Hiển thị được hệ số Lamda (λ)	Hiển thị được			
3.	Ghi nhận và hiển thị được tốc độ và nhiệt độ dầu động cơ trong quá trình kiểm tra	Thực hiện ghi nhận và hiển thị được			
4.	Kích thước đầu lấy mẫu	Phù hợp theo yêu cầu đo theo khuyến cáo của nhà sản xuất thiết bị			
5.	Chiều dài đầu lấy mẫu nằm trong ống xả	≥ 300 mm			
6.	Thông số dải	Chỉ số/ hệ số	Dải đo	Độ chính xác	
		CO (% vol)	0 - 5	$\pm 0,03$ hoặc	

	đo, độ chính xác của thiết bị phân tích khí xả ⁽¹⁾			±5% tương đối (lấy giá trị lớn hơn)		
	CO ₂ (%vol)	0 - 16		± 0,5 hoặc ±5% tương đối (lấy giá trị lớn hơn)		
	HC (ppm)	0 - 10000		± 10 hoặc ±5% tương đối (lấy giá trị lớn hơn)		
	O ₂ (% vol)	0 - 21		± 0,1 hoặc ±5% tương đối (lấy giá trị lớn hơn)		
	Lambda (λ)	0,8 - 1,2		Không quy định		
	Tốc độ động cơ (v/p)	400 - 7.500		Không quy định		
	CO (% vol)	0 - 5		± 0,03 hoặc ±5% tương đối (lấy giá trị lớn hơn)		
7.	Khả năng hiển thị và lưu trữ kết quả đo bằng giá trị nồng độ các thành phần khí thải, hệ số lambda, giá trị tốc độ và nhiệt độ dầu động cơ ở chế độ tốc độ không tải và chế độ tốc độ không tải có tăng tốc			Thực hiện được		

B. Kiểm tra tình trạng hoạt động thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Màn hình	Hiển thị rõ và đầy đủ các thông tin		
2.	Đầu lấy mẫu	Phải nguyên vẹn, không móp méo, rò rỉ, không bị tắc		
		Phải được trang bị kèm theo cơ cấu kẹp chặt vào ống xả		
3.	Hệ thống tách nước chống xâm nhập vào buồng kiểm tra	Có trang bị		
4.	Cơ cấu kẹp chặt vào ống xả kèm theo đầu lấy mẫu	Có trang bị		
5.	Cảm biến tốc độ quay của trục khuỷu động cơ	lấy được tín hiệu và biến thiên theo tốc độ quay thực tế của trục khuỷu động cơ		
6.	Cảm biến nhiệt độ dầu động cơ	Nhận được tín hiệu khi tiếp xúc với nguồn nhiệt		
7.	Máy tính	Hoạt động bình thường và kết nối được với mạng nội bộ và truyền được số liệu		
8.	Hiển thị giá trị các chỉ số HC, CO, CO ₂ , hệ số (λ), tốc độ	Không hiển thị giá trị hoặc hiển thị giá trị trong sai số cho phép của		

vòng quay, nhiệt độ dầu hiển thị ở trạng thái sẵn sàng làm việc	nhà sản xuất		
---	--------------	--	--

C. Yêu cầu về phần mềm điều khiển thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Phần mềm điều khiển thiết bị	Kết nối được với các thiết bị kiểm tra		
Tính năng của phần mềm điều khiển thiết bị				
2.	Điều khiển các thiết bị hoạt động đúng chức năng theo quy trình kiểm tra	Đúng quy trình kiểm tra		
3.	Hiển thị các giá trị đo theo thời gian thực	Hiển thị được		
4.	Đưa ra chỉ thị để người kiểm tra thực hiện các thao tác	Đưa ra chỉ thị thực hiện		
5.	Đọc được các kết quả đo tương ứng với từng thiết bị khi kết thúc quá trình kiểm tra	Đọc được kết quả		
6.	Kết nối, trao đổi thông tin với phần mềm Quản lý kiểm định	Phương tiện chờ kiểm tra	Thực hiện được	
		Kết quả kiểm tra của phương tiện đã hoàn thành kiểm tra kèm theo số serial, thời gian thực kiểm tra và ký hiệu của phiên bản phần mềm	Thực hiện được	
		Kết nối, trao đổi thông tin		
		Dữ liệu kết quả kiểm tra	Thực hiện được	
7.	Truy xuất dữ liệu để hiển thị và in ra kết quả của các lần kiểm tra được lưu trữ	Thực hiện được		
8.	Truy xuất được số serial, thời gian thực và ký hiệu của phiên bản phần mềm	Thực hiện được		
9.	Dữ liệu của phần mềm điều khiển thiết bị	Được mã hoá và chống can thiệp cơ sở dữ liệu trên máy chủ của đơn vị	Được mã hoá	
		Được sao lưu, lưu trữ trên máy chủ của đơn vị	Lưu trữ được	

III. Tài liệu của thiết bị

Mục	Loại tài liệu	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Chứng từ sở hữu (quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng) ⁽²⁾ :	Có		
2.	C/O ⁽²⁾ :	Có		
3.	C/Q ⁽²⁾ :	Có		
4.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng:	Có		
5.	Sổ quản lý thiết bị:	Có		
6.	Tài liệu chứng minh phù hợp với ISO, OIML, IEC, TCVN ⁽²⁾ :	Có		

IV. Diễn giải nội dung không đạt

.....

V. Ghi nhận khác (nếu có)

VI. Kết luận chung⁽⁴⁾: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 01 bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và 01 bản lưu tại Sở Xây dựng.

Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm⁽⁵⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cục Đăng kiểm Việt Nam⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Sở Xây dựng⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

- ⁽¹⁾ Đối chiếu với tài liệu của nhà sản xuất thiết bị;
- ⁽²⁾ Chỉ kiểm tra lần đầu (trừ trường hợp đánh giá cấp lại, đánh giá bổ sung dây chuyền);
- ⁽³⁾ Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu ghi “Đ”, không đạt ghi “KĐ”; không áp dụng ghi “/”;
- ⁽⁴⁾ Tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng;
- ⁽⁵⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với kiểm tra, xác nhận lần đầu;
- ⁽⁶⁾ Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra, xác nhận sẽ cùng ký. Từng thành viên kiểm tra, xác nhận chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, xác nhận về nội dung được phân công thực hiện;
- ⁽⁷⁾ Ghi theo yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.
- ⁽⁸⁾ Ghi bổ sung các quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Mẫu số 07. Biên bản kiểm tra xác nhận thiết bị kiểm tra phanh

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số hồ sơ: ...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN
THIẾT BỊ KIỂM TRA PHANH**

Loại hình kiểm tra, xác nhận: ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại ☐ Bổ sung, thay thế

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

I. Thông tin về thiết bị

1. Nhãn hiệu/Model:/.....

2. Số Serial/Phiên bản phần mềm:/.....

3. Dây chuyền số:

4. Năm sản xuất/ Năm sử dụng/Nước sản xuất:/...../.....

5. Tiêu chuẩn đáp ứng⁽¹⁾: ☐ ISO ☐ OIML ☐ IEC ☐ TCVN

II. Nội dung kiểm tra

A. Điều kiện lắp đặt⁽²⁾: (Ghi nhận kết quả theo biên bản kiểm tra, xác nhận cơ sở vật chất kỹ thuật): ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

B. Yêu cầu kỹ thuật thiết bị⁽²⁾

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Loại thiết bị kiểm tra phanh	Loại con lăn, có chức năng kiểm tra lực phanh trên mỗi trục bánh xe và có tích hợp kiểm tra khối lượng cầu xe khi kiểm tra phanh		
2.	Giới hạn kiểm tra tải trọng trục tối đa theo công bố của nhà sản xuất thiết bị ⁽¹⁾	≥ 2.000 kg (loại I)		
		≥ 13.000 kg (loại II)		
		≥ 13.000 kg (Thiết bị kiểm tra phanh tổng hợp)		
3.	Kích thước lắp đặt ⁽¹⁾	Khoảng cách giữa mép trong của 2 con lăn (tính đến bề mặt làm việc) ≤ 850 mm (loại I)		
		Khoảng cách giữa mép ngoài của 2 con lăn (tính đến bề mặt làm việc) ≥ 2750 mm (loại II)		

4.	Tự động dừng khi có hiện tượng trượt giữa bánh xe và con lăn trong quá trình kiểm tra	Thực hiện được		
5.	Hiển thị và ghi nhận giá trị lực phanh ở từng bánh xe trên mỗi trục	Thực hiện được		
6.	Kiểm tra hệ thống phanh đỗ và hệ thống phanh chính	Thực hiện được		
7.	Kiểm tra tính năng rà oval của hệ thống phanh	Có chức năng		
8.	Hệ số bám con lăn (μ) (đối với thiết bị chưa qua sử dụng) ⁽¹⁾	Theo tài liệu kỹ thuật		
9.	Chiều dài con lăn (mm) (tính đến bề mặt làm việc)	≥ 650 mm (loại I)		
		≥ 900 mm (loại II)		
10.	Đường kính con lăn (tính đến bề mặt làm việc) (chỉ áp dụng đối với thiết bị chưa qua sử dụng)	≥ 150 mm (loại I)		
		≥ 200 mm (loại II)		
11.	Số lượng cảm biến khối lượng	≥ 150 mm (loại I)		
		≥ 200 mm (loại II)		
12.	Dung sai khi kiểm tra lực thắng đứng (tải trọng trục) ⁽¹⁾	± 300 N ở mức dưới 10.000 N		
		$\pm 3\%$ ở mức từ 10.000 N		
13.	Thiết bị điều khiển từ xa và điều khiển trực tiếp tại vị trí tủ điều khiển	Có trang bị		
14.	Độ chính xác của phép đo lực phanh ⁽¹⁾	± 100 N ở mức dưới 2.000 N		
		$\pm 3\%$ ở mức từ 2.000 N trở lên		
15.	Sai lệch lực phanh tối đa ở cùng điểm đo giống nhau giữa bên trái và bên phải của bộ thử phanh ⁽¹⁾	± 100 N ở mức dưới 2.000 N		
		$\pm 5\%$ ở mức từ 2.000 N trở lên		
16.	Dải đo của thiết bị trên mỗi bánh xe ⁽¹⁾	Tối thiểu 0 ÷ 7.500 N (loại I)		
		Tối thiểu 0 ÷ 30.000 N (loại II)		
17.	Bước đo của dải đo ⁽¹⁾	≤ 200 N (đối với thang đo < 5.000 N)		
		≤ 500 N (đối với thang đo ≥ 5.000 N)		
18.	Thiết bị phanh kiểm tra thực tế được loại xe có kiểu dẫn động bốn bánh toàn thời gian (AWD)	☐ Phương pháp một bên quay ngược, một bên quay xuôi		
		Thiết bị đo lực bàn đạp phanh ⁽¹⁾	Dải đo:	0 – 1000 N
			Độ chính xác	$\leq 1,0$ N
		☐ Phương pháp sử dụng con lăn quay trơn		
		Số lượng con lăn quay trơn tối thiểu 2		
19.	Có ít nhất một thiết bị kiểm tra phanh có chức năng kiểm tra được loại xe có kiểu dẫn động	Con lăn quay trơn phải có khóa hãm các con lăn		
		Thực hiện được		

	bốn bánh toàn thời gian (AWD)			
20.	Hiện thị giá trị lực phanh riêng ở từng bánh xe trên mỗi trục	Hiện thị được		
21.	Hiện thị hiệu quả phanh trên trục và hiệu quả phanh toàn bộ được tính theo công thức: $K_T = \frac{\sum F_{Pti}}{G_t} . 100\%$	Hiện thị được		
22.	Hiện thị hiệu quả phanh toàn bộ được tính theo công thức: $K_P = \frac{\sum F_{Pi}}{G} . 100\%$	Hiện thị được		
23.	Hiện thị sai lệch lực phanh giữa hai bên bánh xe trên cùng một trục theo công thức: $K_{SL} = \frac{P_{Fl} - P_{Fn}}{P_{Fl}} . 100\%$	Hiện thị được		

C. Kiểm tra tình trạng hoạt động thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Con lăn ma sát	Không bị bong tróc lớp ma sát đến khung xương		
2.	Tình trạng làm việc	Con lăn quay trơn không bị biến dạng, cong vênh		
		Các chi tiết, tổng thành hoạt động bình thường, không bị kẹt, không có các tiếng kêu hoặc rung giật bất thường		
3.	Kết nối và hiển thị thiết bị phanh	Kết nối được với phần mềm điều khiển thiết bị và hiển thị rõ ràng, đầy đủ các thông tin		
		Máy tính hoạt động bình thường kết nối được với mạng nội bộ và truyền được số liệu, hiển thị rõ ràng, đầy đủ các thông tin		
4.	Giá trị lực phanh và khối lượng hiển thị ở trạng thái sẵn sàng làm việc	Không hiển thị giá trị hoặc hiển thị giá trị trong sai số cho phép của nhà sản xuất		
5.	Hệ số bám con lăn (μ) (trong điều kiện làm việc với bề mặt tiếp xúc giữa lốp xe và con lăn là khô và lốp xe ở trạng thái hoạt động bình thường) tính toán theo công thức: $\mu = \frac{2F_{roll}}{mg}$ Trong đó: Froll - là lực phanh một bên đo được trên thiết bị kiểm tra phanh;		$\geq 0,5$	

	m – là khối lượng của trục xe hiển thị trên thiết bị kiểm tra phanh (kg); g – là gia tốc trọng trường (m/s ²).			
6.	Bàn đạp phanh lực	Kết nối được với phần mềm thiết bị và hoạt động ổn định Phần mềm điều khiển thiết bị bàn đạp phanh hiển thị và lưu trữ kết quả Màn hình hiển thị được lực đo bàn đạp lực phanh		
7.	Con lăn quay tròn	Không được công vênh Khóa hãm vững chắc các con lăn		

D. Kiểm tra độ chính xác thiết bị

1. Kiểm tra độ chính xác lực phanh

Yêu cầu				Kết quả kiểm tra				Đánh giá ⁽³⁾
Thông số chuẩn	Thông số theo nhà sản xuất	Sai số cho phép theo công bố của nhà sản xuất và không được vượt quá các giá trị sau:		Bên trái		Bên phải		Độ lệch trái/phải (%)
		Lực phanh	Độ lệch trái/phải	Giá trị (N)	Sai số	Giá trị (N)	Sai số	
		$\leq 2000 \text{ N}$ là $\pm 100 \text{ N}$	$\leq 2000 \text{ N}$ là $\pm 100 \text{ N}$					
		$> 2000 \text{ N}$ là $\pm 3,0\%$	$> 2000 \text{ N}$ là $\pm 5,0\%$					

2. Kiểm tra độ chính xác cảm biến khối lượng (đo lực thẳng đứng)

Yêu cầu			Kết quả kiểm tra		Đánh giá ⁽³⁾
Thông số chuẩn	Thông số chuẩn (theo nhà sản xuất)	Sai số theo công bố của nhà sản xuất và không được vượt quá các giá trị sau:	Kết quả kiểm tra		
		< 10 kN là ± 300N	Giá trị (N)	Độ lệch (%)	
		≥ 10kN là ± 3%			

E. Yêu cầu về phần mềm điều khiển thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Phần mềm điều khiển thiết bị	Kết nối được với các thiết bị kiểm tra		
Tính năng của phần mềm điều khiển thiết bị				
2.	Điều khiển các thiết bị	Đúng quy trình kiểm tra		
3.	Hiển thị các giá trị đo theo thời gian thực	Hiển thị được		
4.	Đưa ra chỉ thị để người kiểm tra thực hiện các thao tác	Đưa ra chỉ thị thực hiện		
5.	Đọc được các kết quả đo tương ứng với từng thiết bị khi kết thúc quá trình kiểm tra	Đọc được kết quả		
6.	Kết nối, trao đổi thông tin với phần mềm Quản lý kiểm định	Phương tiện chờ kiểm tra	Thực hiện được	
		Kết quả kiểm tra của phương tiện đã hoàn thành kiểm tra kèm theo số serial, thời gian thực kiểm tra và ký hiệu của phiên bản phần mềm	Thực hiện được	
		Trao đổi thông tin	Thực hiện được	
		Dữ liệu kết quả kiểm tra	Thực hiện được	
7.	Truy xuất dữ liệu để hiển thị và in ra kết quả của các lần kiểm tra được lưu trữ	Thực hiện được		
8.	Truy xuất được số serial, thời gian thực của thiết bị và ký hiệu của phiên bản phần mềm	Thực hiện được		
9.	Dữ liệu của phần mềm điều khiển thiết bị	Được mã hoá và chống can thiệp cơ sở dữ liệu trên máy chủ của đơn vị	Được mã hoá	
		Được sao lưu, lưu trữ trên máy chủ của đơn vị	Lưu trữ được	

III. Tài liệu của thiết bị

Mục	Loại tài liệu	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Chứng từ sở hữu (quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng) ⁽²⁾ :	Có		
2.	C/O ⁽²⁾ :	Có		
3.	C/Q ⁽²⁾ :	Có		
4.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng:	Có		
5.	Sổ quản lý thiết bị:	Có		
6.	Tài liệu chứng minh phù hợp với ISO, OIML, IEC, TCVN ⁽²⁾ :	Có		

IV. Diễn giải nội dung không đạt

.....

V. Ghi nhận khác (nếu có)

.....

VI. Kết luận chung⁽⁴⁾: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 01 bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và 01 bản lưu tại Sở Xây dựng.

**Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức
thành lập cơ sở đăng kiểm⁽⁵⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện Cục Đăng
kiểm Việt Nam⁽⁶⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Sở Xây dựng⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Đối chiếu với tài liệu của nhà sản xuất thiết bị;

Chỉ kiểm tra lần đầu (trừ trường hợp đánh giá cấp lại, đánh giá bổ sung dây chuyền);

⁽³⁾ Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu ghi “Đ”, không đạt ghi “KĐ”; không áp dụng ghi “/”;

⁽⁴⁾ Tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng;

⁽⁵⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với kiểm tra, xác nhận lần đầu;

⁽⁶⁾ Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra, xác nhận sẽ cùng ký. Từng thành viên kiểm tra, xác nhận chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, xác nhận về nội dung được phân công thực hiện;

⁽⁷⁾ Ghi theo yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

⁽⁸⁾ Ghi bổ sung các quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Mẫu số 08. Biên bản kiểm tra xác nhận thiết bị cân khối lượng

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số hồ sơ: ...

BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN
THIẾT BỊ CÂN KHỐI LƯỢNG⁽⁸⁾
 Trục đơn ☐ Cụm trục ☐

Loại hình kiểm tra, xác nhận: ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại ☐ Bổ sung, thay thế

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

I. Thông tin về thiết bị

1. Nhân hiệu/Model:/.....

2. Số Serial/Phiên bản phần mềm:/.....

3. Dây chuyền số:

4. Năm sản xuất/ Năm sử dụng/Nước sản xuất:/...../.....

5. Số GCN/thời hạn tem:/.....

6. Tiêu chuẩn đáp ứng⁽¹⁾: ☐ ISO ☐ OIML ☐ IEC ☐ TCVN

II. Nội dung kiểm tra

A. Điều kiện lắp đặt⁽²⁾: (Ghi nhận kết quả theo biên bản kiểm tra, xác nhận cơ sở vật chất kỹ thuật): ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

B. Yêu cầu kỹ thuật thiết bị⁽²⁾

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Dải đo ⁽¹⁾	Tối thiểu trục đơn từ 0 đến 5.000 Kg		
		Tối thiểu cụm trục từ 0 đến 30.000 Kg;		
2.	Số lượng cảm biến ⁽¹⁾	Không nhỏ hơn 4		
3.	Cấp chính xác tối thiểu ⁽¹⁾	Cấp III		
4.	Màn hình hiển thị	Thực hiện được		
3.	Kết nối và truyền số liệu sang máy tính	Thực hiện được		

C. Kiểm tra tình trạng hoạt động thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Hoạt động ổn định	Ổn định		
2.	Màn hình hiển thị	Hiển thị rõ ràng các thông số		
3.	Kết nối và truyền số liệu sang máy tính	Thực hiện được		
4.	Mặt phẳng cân khối lượng	Không được cong vênh		
5.	Ở trạng thái sẵn sàng làm việc	Giá trị cân khối lượng không hiển thị hoặc hiển thị giá trị trong sai số cho phép của nhà sản xuất		

D. Yêu cầu về phần mềm điều khiển thiết bị

Mục	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Phần mềm điều khiển thiết bị	Kết nối được với thiết bị kiểm tra		
Tính năng của phần mềm điều khiển thiết bị				
2.	Điều khiển các thiết bị hoạt động đúng chức năng theo quy trình kiểm tra	Đúng quy trình kiểm tra		
3.	Hiển thị các giá trị đo theo thời gian thực	Hiển thị được		
4	Đọc được các kết quả đo tương ứng với từng thiết bị khi kết thúc quá trình kiểm tra	Đọc được kết quả		
5.	Kết nối, trao đổi thông tin với phần mềm Quản lý kiểm định	Phương tiện chờ kiểm tra	Thực hiện được	
		Kết quả kiểm tra của phương tiện đã hoàn thành kiểm tra kèm theo số serial của thiết bị, thời gian thực kiểm tra và ký hiệu của phiên bản phần mềm	Thực hiện được	
		Kết nối, trao đổi thông tin	Thực hiện được	
		Dữ liệu kết quả kiểm tra	Thực hiện được	
6.	Truy xuất dữ liệu để hiển thị và in ra kết quả của các lần kiểm tra được lưu trữ	Thực hiện được		
7.	Truy xuất được số serial, thời gian thực kiểm tra và ký hiệu của phiên bản phần mềm	Thực hiện được		
8.	Dữ liệu của phần mềm điều khiển thiết bị	Được mã hoá và chống can thiệp cơ sở dữ liệu trên máy chủ của đơn vị	Được mã hóa	
		Được sao lưu, lưu trữ trên máy chủ của đơn vị	Lưu trữ được	

III. Tài liệu của thiết bị

Mục	Loại tài liệu	Yêu cầu ⁽⁷⁾	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽³⁾
1.	Chứng từ sở hữu (quyền sở hữu hoặc	Có		

	quyền sử dụng) ⁽²⁾ :			
2.	C/O ⁽²⁾ :	Có		
3.	C/Q ⁽²⁾ :	Có		
4.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng:	Có		
5.	Sổ quản lý thiết bị:	Có		
6.	Tài liệu chứng minh phù hợp với ISO, OIML, IEC, TCVN ⁽²⁾ :	Có		

IV. Diễn giải nội dung không đạt

.....

V. Ghi nhận khác (nếu có)

.....

VI. Kết luận chung⁽⁴⁾: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 01 bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và 01 bản lưu tại Sở Xây dựng.

**Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức
thành lập cơ sở đăng kiểm⁽⁵⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện Cục Đăng
kiểm Việt Nam⁽⁶⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Sở Xây dựng⁽⁶⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Đối chiếu với tài liệu của nhà sản xuất thiết bị;

⁽²⁾ Chỉ kiểm tra lần đầu (trừ trường hợp đánh giá cấp lại, đánh giá bổ sung dây chuyền);

⁽³⁾ Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu ghi “Đ”, không đạt ghi “KD”; không áp dụng ghi “/”;

⁽⁴⁾ Tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng;

⁽⁵⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với kiểm tra, xác nhận lần đầu;

⁽⁶⁾ Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra, xác nhận sẽ cùng ký. Từng thành viên kiểm tra, xác nhận chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, xác nhận về nội dung được phân công thực hiện;

⁽⁷⁾ Ghi theo yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

⁽⁸⁾ Ghi bổ sung các quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Phụ lục X
BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ
SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI, CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI
XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY
(Kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01. Biên bản kiểm tra xác nhận điều kiện hoạt động của cơ sở
đăng kiểm xe cơ giới

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số hồ sơ: ...

BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

Căn cứ⁽¹⁾.....

Hôm nay, ngày tháng năm, tại ...⁽²⁾ ..., Đoàn kiểm tra xác nhận gồm các thành viên sau:

.....
.....
.....

đã thực hiện các nội dung kiểm tra xác nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới ...⁽³⁾ ... và kết luận như sau:

I. Kết quả kiểm tra xác nhận theo các quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới (ghi nhận theo Biên bản kiểm tra xác nhận điều kiện chung, cơ cấu tổ chức, nhân lực):

.....
kiểm tra xác nhận.....

II. Kết quả kiểm tra xác nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy⁽⁴⁾:

.....
.....

III. Các nội dung khác (nếu có)

.....

IV. Kết luận

☐ Cơ sở đăng kiểm được đánh giá đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

Các loại phương tiện được kiểm định

☐ Cơ sở đăng kiểm được đánh giá không đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

Lý do:

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm (hoặc Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm), 01 bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và 01 bản lưu tại Sở Xây dựng./.

**Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập
cơ sở đăng kiểm**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trưởng Đoàn kiểm tra xác nhận
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Các thành viên Đoàn kiểm tra xác nhận
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Hướng dẫn ghi:

(1) Các căn cứ để lập biên bản;

(2) Địa chỉ cơ sở được đánh giá;

(3) Đối với trường hợp kiểm tra xác nhận cấp mới giấy chứng nhận thì ghi tên tổ chức thành lập; đối với kiểm tra xác nhận cấp lại giấy chứng nhận thì ghi mã số của cơ sở đăng kiểm;

(4) Ghi nhận kết quả kiểm tra xác nhận của tổ chức đánh giá sự phù hợp hoặc các biên bản kiểm tra xác nhận của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Mẫu số 02. Biên bản kiểm tra xác nhận cơ sở kiểm định khí thải
ỦY BAN NHÂN DÂN..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số hồ sơ: ...

BIÊN BẢN KIỂM TRA XÁC NHẬN CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI

Căn cứ⁽¹⁾.....

Hôm nay, ngày tháng năm, tại⁽²⁾, Đoàn kiểm tra xác nhận gồm các thành viên sau:

.....

đã thực hiện các nội dung kiểm tra xác nhận cơ sở kiểm định khí thải ...⁽³⁾... và kết luận như sau:

I. Kết quả kiểm tra xác nhận theo các quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới (ghi nhận theo Biên bản kiểm tra xác nhận điều kiện chung, cơ cấu tổ chức, nhân lực):

.....

II. Kết quả kiểm tra xác nhận cơ sở kiểm định khí thải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy⁽⁴⁾

.....

III. Các nội dung khác (nếu có)

.....

Kết luận

☐ Cơ sở đăng kiểm được đánh giá đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Số lượng thiết bị kiểm định khí thải:.....

☐ Cơ sở đăng kiểm được đánh giá không đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Lý do:

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 lưu tại cơ sở kiểm định khí thải (hoặc Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải) và 01 bản lưu tại Sở Xây dựng./.

**Cơ sở kiểm định khí thải/Tổ chức thành lập
cơ sở kiểm định khí thải**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trưởng Đoàn kiểm tra xác nhận
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Các thành viên Đoàn kiểm tra xác nhận
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Các căn cứ để lập biên bản;
- (2) Địa chỉ cơ sở được đánh giá;
- (3) Đối với trường hợp kiểm tra xác nhận cấp mới giấy chứng nhận thì ghi tên tổ chức thành lập. Đối với kiểm tra xác nhận cấp lại giấy chứng nhận thì ghi mã số của cơ sở đăng kiểm;
- (4) Ghi nhận kết quả kiểm tra xác nhận của ỏ chức đánh giá sự phù hợp hoặc các biên bản kiểm tra xác nhận.

Phụ lục XI

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

*(Kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**Mẫu số 01. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ
giới**

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI**

Số:⁽¹⁾.....

Căn cứ ⁽²⁾

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới
số ⁽³⁾ ... ngày ... tháng ... năm ...

*Căn cứ Biên bản kiểm tra xác nhận điều kiện hoạt động của cơ sở đăng
kiểm* ⁽⁴⁾, ngày tháng năm

CHỨNG NHẬN

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới..... ⁽⁵⁾

Địa chỉ:

Số lượng dây chuyền kiểm định:

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định

Loại phương tiện xe cơ giới được kiểm định⁽⁶⁾:

*Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm duy trì các nội dung đã được kiểm tra xác
nhận và chứng nhận./.*

....., ngày tháng năm

.....⁽⁷⁾

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;
- (2) Các căn cứ để cấp giấy chứng nhận;
- (3) Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;
- (4) Số biên bản kiểm tra xác nhận hoặc số Báo cáo đánh giá, số Giấy chứng nhận sự phù hợp của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoặc cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;
- (5) Mã số cơ sở đăng kiểm được cấp giấy chứng nhận;
- (6) Phương tiện được kiểm định: ghi đặc trưng của phương tiện mà cơ sở đăng kiểm được thực hiện kiểm định. Chỉ ghi nội dung được chứng nhận (Ví dụ: xe hạng nhẹ sử dụng động cơ xăng, diesel và động cơ điện hoặc xe hạng nhẹ (có khối lượng toàn bộ theo thiết kế $\leq 3,5$ tấn) và xe hạng nặng (có khối lượng toàn bộ theo thiết kế $\geq 3,5$ tấn) sử dụng động cơ xăng, diesel);
- (7) Chức vụ, họ và tên của người ký giấy chứng nhận.

Mẫu số 02. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY**

Số: ...⁽¹⁾...

Căn cứ ⁽²⁾

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy số⁽³⁾ ... ngày ... tháng ... năm;

Căn cứ Biên bản kiểm tra xác nhận cơ sở kiểm định khí thải số⁽⁴⁾, ngày tháng năm

CHỨNG NHẬN

Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy...⁽⁵⁾...

Địa chỉ⁽⁶⁾:

Số lượng thiết bị phân tích khí thải:

Cơ sở kiểm định khí thải có trách nhiệm duy trì cơ sở vật chất kỹ thuật đã được kiểm tra xác nhận và chứng nhận theo quy định./.

....., ngày tháng năm
.....⁽⁷⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

⁽²⁾ Các căn cứ để cấp giấy chứng nhận;

⁽³⁾ Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽⁴⁾ Số biên bản đánh giá;

⁽⁵⁾ Mã số cơ sở được cấp giấy chứng nhận;

⁽⁶⁾ Địa chỉ của cơ sở kiểm định khí thải;

⁽⁷⁾ Chức danh, họ tên của người ký giấy chứng nhận.

Phụ lục XII
MÃ SỐ CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

*(Kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

Mã số cơ sở đăng kiểm bao gồm 3 thành phần chính, nối giữa thành phần thứ nhất và thứ hai là nét vạch ngang (-) theo cấu trúc:

- **XX-YYZ** (đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được cấp mã số trước ngày Thông tư này có hiệu lực)

- **XX-YYY** (đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được cấp mã số kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực)

- **XX-YYYYXM** (đối với cơ sở kiểm định khí thải)

Trong đó:

1. Phần thứ nhất - XX: gồm 2 ký tự bằng số chỉ mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ sở đăng kiểm đặt địa chỉ chi tiết tại Bảng dưới đây:

STT	Cơ sở đăng kiểm đặt tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Mã tỉnh, thành phố
1	Tuyên Quang	22; 23
2	Lào Cai	24; 21
3	Lai Châu	25
4	Điện Biên	27
5	Lạng Sơn	12
6	Cao Bằng	11
7	Sơn La	26
8	Thái Nguyên	20; 97
9	Phú Thọ	19; 28; 88
10	Quảng Ninh	14
11	Bắc Ninh	99; 98
12	Hưng Yên	89; 17
13	TP. Hà Nội	29
14	TP. Hải Phòng	15; 34
15	Ninh Bình	35; 90; 18
16	Thanh Hóa	36
17	Nghệ An	37
18	Hà Tĩnh	38
19	Quảng Trị	73; 74
20	TP. Huế	75
21	TP. Đà Nẵng	43; 92

22	Quảng Ngãi	76; 82
23	Gia Lai	81; 77
24	Khánh Hoà	79; 85
25	Lâm Đồng	48; 49; 86
26	Đắk Lắk	47; 78
27	TP. Hồ Chí Minh	50; 61; 72
28	Đồng Nai	60; 93
29	Tây Ninh	70; 62
30	TP. Cần Thơ	65; 83; 95
31	Vĩnh Long	71; 64; 84
32	Đồng Tháp	66; 63
33	Cà Mau	69; 94
34	An Giang	67; 68
Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Mã số cơ sở đăng kiểm được lấy theo mã của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mới tương ứng.		

2. Phần thứ hai – YY hoặc YYY hoặc YYYY: chỉ thứ tự lần lượt của cơ sở đăng kiểm được cấp giấy chứng nhận trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới gồm 3 ký tự bằng số.
- Đối với cơ sở kiểm định khí thải gồm 4 ký tự bằng số.

Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì số thứ tự cơ sở mới thành lập được lấy kế tiếp với số thứ tự sau cùng của tỉnh được giữ lại tên.

3. Phần thứ ba - Z: gồm 01 ký tự bằng chữ in hoa thể hiện loại hình cơ sở đăng kiểm:

- Chữ S: Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thuộc Sở Giao thông vận tải;
- Chữ V: Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Chữ D: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thuộc loại hình Doanh nghiệp.

4. Ví dụ:

a) Đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được cấp mã số trước ngày Thông tư này có hiệu lực:

50-01S	50: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới tại Thành phố Hồ Chí Minh; 01: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thứ nhất; S: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thuộc Sở Giao thông vận tải.
--------	---

b) Đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được cấp mã số kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực:

50-020	50: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới tại Thành phố Hồ Chí Minh; 020: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thứ 20;
--------	--

c) Đối với cơ sở kiểm định khí thải:

50-0001XM	50: cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tại Thành phố Hồ Chí Minh; 0001: cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy thứ nhất; XM: cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.
-----------	---

Phụ lục XIII
MẪU QUYẾT ĐỊNH TẠM ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Kèm theo Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Tạm đình chỉ hoạt động kiểm định
GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

Theo đề nghị của.....⁽¹⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tạm đình chỉ hoạt động kiểm định đối với ...⁽²⁾.... trong thời gian từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Lý do tạm đình chỉ hoạt động:

Điều 2. Trong thời gian bị tạm đình chỉ hoạt động kiểm định, yêu cầu ...⁽²⁾.... phải ngừng hoạt động kiểm định, phải duy trì bộ phận giải quyết các công việc liên quan đến hồ sơ về kiểm định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. ...⁽²⁾... và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- ...;
- Lưu...

.....⁽³⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Cơ sở đề nghị tạm đình chỉ hoạt động cơ sở đăng kiểm;

⁽²⁾ Tên cơ sở đăng kiểm bị tạm đình chỉ hoạt động;

⁽³⁾ Chức vụ, họ và tên của người có thẩm quyền.

PHỤ LỤC XIV
MẪU BÁO CÁO TẠM ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH
(Kèm theo Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

V/v Tạm đình chỉ hoạt động kiểm định

Kính gửi: - Sở Giao thông vận tải.....

- Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải.

Căn cứ

...(1)... xin được báo cáo Sở giao thông vận tải ..., Cục Đăng kiểm Việt Nam các nội
dung sau:

1. Nguyên nhân vi phạm

.....

2. Biện pháp khắc phục vi phạm

.....

3. Hành động phòng ngừa

.....

4. Thời gian tạm ngừng hoạt động từ ngày tháng ... năm đến ngày tháng ... năm

....

5. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

.....

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- ...;

- Lưu...

Cơ sở đăng kiểm ...

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Cơ sở đăng kiểm bị tạm đình chỉ hoạt động kiểm định.

Phụ lục XV
MẪU QUYẾT ĐỊNH THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Kèm theo Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở đăng kiểm
GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới;

Căn cứ Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

Theo đề nghị của⁽¹⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận ...⁽²⁾.... số ngày .../.../... cấp cho⁽³⁾.....

Lý do thu hồi giấy chứng nhận:

Điều 2. ...⁽³⁾.... có trách nhiệm nộp lại bản chính giấy chứng nhận nêu tại Điều 1 trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. ...⁽³⁾.... có trách nhiệm bàn giao hồ sơ liên quan đến hoạt động kiểm định đến ...⁽⁴⁾.... trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. ...⁽¹⁾... và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- ...;
- Lưu...

.....⁽⁵⁾

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Đơn vị đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cơ sở đăng kiểm;

⁽²⁾ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới/Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

⁽³⁾ Cơ sở đăng kiểm bị thu hồi giấy chứng nhận;

⁽⁴⁾ Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận bàn giao hồ sơ;

⁽⁵⁾ Chức vụ, họ và tên của người có thẩm quyền.

Phụ lục XVI
MẪU THÔNG BÁO TIẾP NHẬN BÀN GIAO HỒ SƠ
(Kèm theo Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

V/v tiếp nhận bàn giao hồ sơ

Kính gửi: -⁽¹⁾.....

-⁽²⁾.....

Căn cứ Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận ...⁽³⁾... số ngày

1. Sở Giao thông vận tải chỉ định ...⁽¹⁾... bàn giao hồ sơ liên quan đến hoạt động kiểm định và ấn chỉ cho ...⁽²⁾...

Lý do:

2. ...⁽¹⁾... và ...⁽²⁾... có trách nhiệm kiểm kê toàn bộ hồ sơ về hoạt động kiểm định, ấn chỉ được bàn giao. ...⁽²⁾... có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý các hồ sơ, ấn chỉ đã tiếp nhận theo quy định của pháp luật.

3. Việc bàn giao hồ sơ, ấn chỉ phải hoàn thành trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định số có hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- ...;
- Lưu...

.....⁽⁴⁾

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Cơ sở đăng kiểm bị thu hồi giấy chứng nhận.

⁽²⁾ Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận bàn giao hồ sơ, ấn chỉ.

⁽³⁾ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới/Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

⁽⁴⁾ Chức vụ, họ và tên của người có thẩm quyền.

Phụ lục XVII
MẪU BIÊN BẢN BÀN GIAO HỒ SƠ, PHÔI GIẤY CHỨNG NHẬN, TEM KIỂM ĐỊNH

*(Kèm theo Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**BIÊN BẢN BÀN GIAO HỒ SƠ, PHÔI
GIẤY CHỨNG NHẬN, TEM KIỂM ĐỊNH**

Căn cứ Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận ...⁽¹⁾... số ngày của Sở Giao thông vận tải ...

Căn cứ Thông báo tiếp nhận bàn giao hồ sơ số ... ngày của Sở Giao thông vận tải ...

Hôm nay, ngày tháng năm, tại⁽²⁾, chúng tôi gồm:

- Đại diện bên giao:⁽³⁾..... Chức vụ:.....

- Đại diện bên nhận:⁽⁴⁾..... Chức vụ:.....

Thực hiện bàn giao và tiếp nhận hồ sơ, phôi, ấn chỉ liên quan đến hoạt động kiểm định theo biểu thống kê sau:

1. Phôi, ấn chỉ liên quan đến hoạt động kiểm định.

STT	Loại phôi	Số lượng	Từ seri	Đến seri	Ghi chú
1	Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định xe cơ giới				
2	Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định xe máy chuyên dùng				

2. Hồ sơ liên quan đến hoạt động kiểm định

STT	Loại hồ sơ	Số lượng	Từ số	Đến số	Ghi chú
Hồ sơ kiểm định					
1	Hồ sơ kiểm định xe cơ giới				
2	Hồ sơ kiểm định xe máy chuyên dùng				
3	Hồ sơ kiểm định xe mô tô, xe gắn máy				
Hồ sơ Chứng nhận cải tạo					
4	Hồ sơ Chứng nhận cải tạo xe cơ giới				
5	Hồ sơ Chứng nhận cải tạo xe máy chuyên dùng				
6	Hồ sơ chứng nhận cải tạo xe mô tô, xe gắn máy				
Hồ sơ phương tiện					
7	Hồ sơ phương tiện xe cơ giới				

8	Hồ sơ phương tiện xe máy chuyên dùng				
---	--------------------------------------	--	--	--	--

Biên bản này được lập thành 04 bản, trong đó các bên tham gia mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi Sở Giao thông vận tải, 01 bản gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam./.

Bên giao

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Bên nhận

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới/Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;
- (2) Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ;
- (3) Đại diện cơ sở đăng kiểm bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động;
- (4) Đại diện cơ sở đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ.